



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

11

Tháng 6 - 2017

CÔNG BỐ QUY HOẠCH XÂY DỰNG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU CAO NGUYÊN ĐÁ ĐỒNG VĂN

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2017



Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại Hội nghị



Thủ tướng Nguyễn Đình Toàn trao Hồ sơ quy hoạch cho lãnh đạo tỉnh Hà Giang

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI TÁM

11

SỐ 11 - 6/2017



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ có Quyết định về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững 5
- Thủ tướng Chính phủ có Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020 7
- Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp xác định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt 10
- Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng 11

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung về quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh 13
- UBND tỉnh Yên Bái có Quyết định quy định về phân cấp xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh 16

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Đề tài soát xét, chỉnh sửa TCVN 7959:2011, TCVN 9029:201 và TCVN 9030:2011	19
- Nghiệm thu Đề tài biên soạn tiêu chuẩn Việt Nam "Tuy nện kỹ thuật - yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu"	20
- Hội nghị tập huấn công tác quản lý năng lực hoạt động xây dựng	22
- Giải pháp xanh trong xử lý nước thải với bồn tự hoại Septic Sơn Hà	23
- Hội nghị tập huấn và chuyển giao hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu hiệu quả năng lượng công trình xây dựng	25
- Hội thảo đào tạo về quản lý dự án xây dựng	27
- Nghịch lý không gian trong kiến trúc hiện đại của Nhật Bản	28

Thông tin

- Công bố Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn	33
- Bộ Xây dựng triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới	35
- Xu hướng hiện đại đưa tính nhân văn vào không gian công cộng của đô thị	37
- Các đặc điểm hình thành và bảo tồn những yếu tố di sản tự nhiên, lịch sử - văn hóa tại các thành phố lịch sử đông nam vùng Thủ đô Moskva (Nga)	41
- Trung Quốc thực hiện chiến lược thiết kế xây dựng sinh thái thấp cacbon	45
- Tỉnh Tứ Xuyên xây dựng mô hình nông thôn mới hạnh phúc	47

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW**Thủ tướng Chính phủ có Quyết định về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững**

Ngày 10 tháng 5 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 622/QĐ-TTg về kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Theo Quyết định này, Bộ Xây dựng chủ trì các mục tiêu sau:

1. Bộ Xây dựng chủ trì và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Xây dựng Luật cấp nước và các văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật.

- Ban hành các quy định về đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quá trình sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp

- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch, nước mặn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, quản lý, phát triển nguồn cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch đô thị và khu công nghiệp. Cải thiện chính sách và môi trường thuận lợi cho đầu tư vào sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp.

2. Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người, đặc biệt chú ý đến nhu cầu của phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và đối tượng dễ bị tổn thương; chấm dứt dĩ vệ sinh ngoài trời; 100% số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh

- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước.

- Thực hiện xã hội hóa đầu tư vào dịch vụ vệ sinh công cộng. Có cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư cho các công trình nước sạch và vệ sinh và vệ sinh công cộng.

3. Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học; 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm một nửa tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn

- Xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.

- Đưa chỉ tiêu diện tích đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung vào các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, quy hoạch chính trang, phát triển các đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

- Lập quy hoạch, từng bước xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại IV trở lên.

4. Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ cơ bản và dịch vụ nhà ở phù hợp, an toàn, trong khả năng chi trả; xóa bỏ các khu ổ chuột, xây mới, nâng cấp, cải tạo các khu nhà ở không

đảm bảo chất lượng

- Ban hành chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở, cho thuê theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng có khả năng chi trả.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khai thác và huy động tối đa các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước, vốn ODA cho phát triển nhà ở.

- Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở để giải quyết chỗ ở cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội gặp khó khăn về nhà ở.

- Triển khai Chương trình cải tạo về nhà ở và hạ tầng đối với các khu dân cư không đảm bảo chất lượng tại các khu vực đô thị.

5. Đến năm 2030, tăng cường năng lực lập quy hoạch và phát triển đô thị bao trùm và bền vững, có sự tham gia của cộng đồng

- Hoàn thiện thể chế về quản lý phát triển đô thị. Xây dựng mô hình chính quyền đô thị đảm bảo hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý phát triển đô thị bền vững.

- Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng các vật liệu xây dựng mới tiên tiến, thân thiện môi trường; công nghệ mới trong xây dựng nhà ở đảm bảo chất lượng tốt, giá thành hạ.

- Nghiên cứu các giải pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các công trình nhà ở, công sở, dịch vụ, các giải pháp phát triển đô thị xanh đảm bảo đô thị hóa nhanh, bền vững.

- Rà soát việc thực hiện quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong việc phối hợp với thực hiện quy hoạch ngành và quy hoạch kinh tế - xã hội.

6. Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng không khí, chất thải đô thị và các nguồn chất thải khác

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế chính sách về quản lý chất thải rắn.

- Hoàn thiện quy hoạch xử lý chất thải tại các đô thị. Vận hành tốt hệ thống thu gom, xử lý chất thải.

- Xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại IV trở lên đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường, áp dụng chế độ kiểm tra, quan trắc nước thải sau xử lý theo các Quy định hiện hành.

7. Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận phổ cập với không gian công cộng xanh, an toàn và thân thiện cho toàn dân, đặc biệt đối với phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật

- Ban hành hướng dẫn về quy hoạch đô thị xanh, bộ chỉ tiêu về đô thị xanh để định hướng phát triển các đô thị. Xây dựng hệ tiêu chí quy hoạch không gian xanh, không gian công cộng trong đô thị; Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật về công viên cây xanh.

- Thúc đẩy việc xây dựng đô thị xanh, đô thị sinh thái, công trình xanh.

- Khuyến khích đầu tư, tăng cường huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển các không gian xanh trong các dự án đô thị, khu dân cư.

8. Đến năm 2030, tăng đáng kể số đô thị và khu dân cư áp dụng quy hoạch và chính sách tích hợp hướng tới sự bao trùm, hiệu quả nguồn lực, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng khả năng chống chịu trước thảm họa

- Rà soát, chỉnh sửa và bổ sung chính sách và pháp luật hiện hành về phát triển đô thị, hướng tới sự bao trùm, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu trước thảm họa của các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn, đô thị ven biển.

- Tổng kết Chương trình phát triển Đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, xây dựng Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 theo hướng tích hợp; bảo đảm tính bao trùm, sử dụng các nguồn lực hiệu quả; lồng ghép nội dung giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường khả năng chống chịu trước các thảm họa trong Chiến lược.

9. Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc

phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải

- Tăng cường công tác thu gom và xử lý chất thải rắn.

- Rà soát, ban hành đồng bộ hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý chất thải rắn.

- Quy định chi tiết về việc phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải xây dựng.

- Tổ chức nghiên cứu lập quy hoạch quản lý chất thải rắn cho các vùng, liên tỉnh, liên đô thị và vùng đặc thù.

- Thúc đẩy xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

10. Tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai và các thảm họa tự nhiên khác

- củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách.

11. Lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển

- Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình, quy hoạch xây dựng, cơ sở hạ tầng dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Ban hành các quy định về định mức kinh tế kỹ thuật dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu; quy chuẩn xây dựng trong vùng thường xuyên bị thiên tai phù hợp với điều kiện gia tăng thiên tai do biến đổi khí hậu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020

Ngày 18 tháng 5 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 676/QĐ-TTg về định phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020.

Quan điểm

- Xây dựng nông thôn mới nhằm hình thành khu vực dân cư và cơ sở hạ tầng trên địa bàn cấp huyện phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao đời sống người dân nông thôn;

- Xây dựng nông thôn mới gắn mục tiêu, định hướng tái cơ cấu nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, sử dụng tối đa lao động trên địa bàn;

- Nhằm định hướng quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, môi trường và các dịch vụ xã hội phù

hợp với định hướng đô thị hóa, từng bước chuẩn bị cho việc hình thành đô thị trên địa bàn, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư.

Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020, có 30% số huyện được lập quy hoạch xây dựng vùng huyện (ưu tiên các huyện có mức độ đô thị hóa cao);

- Xác định định hướng một số ngành và lĩnh vực trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Xác định hướng phát triển, nguyên tắc áp dụng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cho các khu chức năng, cơ sở hạ tầng nông thôn tại các huyện có tốc độ đô thị hóa cao.

- Lập kế hoạch thí điểm xây dựng huyện nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa trong giai đoạn 2017 - 2020; đề xuất các chương trình, dự án, dự kiến kinh phí và phân công các Bộ, ngành và địa phương phối hợp tổ chức thực hiện.

Định hướng và giải pháp thực hiện

Các định hướng theo ngành và lĩnh vực

a. Xây dựng các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện

- Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm cụm xã, các cụm công nghiệp và các thị tứ, gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung.

- Các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gồm các chức năng: sản xuất công nghiệp (chế tạo nông cụ); về thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường, thông tin thị trường, quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, quản lý chất lượng) và dịch vụ thiết yếu cho cuộc sống (giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao).

b. Phát triển các điểm dân cư tập trung trên địa bàn xã

- Đối với khu vực nông thôn ngoài đô thị cần xác định các điểm dân cư có tiềm năng phát triển;

- Đối với khu vực nông thôn trong đô thị cần phải có các giải pháp tiết kiệm đất xây dựng (có thể xây dựng nhà 2 - 3 tầng). Chính trang, cải tạo các điểm dân cư hiện có, mở rộng và xây dựng khu dân cư theo hướng đô thị hóa nông thôn, chú trọng vào cải tạo, mở rộng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông, cấp thoát nước... ngay trong điểm dân cư hiện có.

c. Phát triển cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Tập trung vào sản xuất phần lớn vật tư phục vụ nông nghiệp. Phát triển các cụm công nghiệp có quy mô từ 30 - 50ha. Tại các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nơi ở, cần tách các công đoạn sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư tập trung và hình thành các tiểu thủ công nghiệp tập trung có quy mô khoảng 5ha đến 10ha.

d. Phát triển dịch vụ thương mại

- Đến năm 2020, 56% tổng số xã trên cả

nước đều có chợ đạt chuẩn nông thôn mới; cải tạo, nâng cấp và xây mới các chợ.

- Từng bước xã hội hóa việc cung cấp các dịch vụ công cho sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn;

- Hình thành mạng lưới chợ trung tâm huyện, một số loại hình tổ chức phân phối như siêu thị, trung tâm thương mại quy mô vừa và nhỏ (chủ yếu là hạng III), cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi.

đ. Phát triển cơ sở hạ tầng khung

- Đảm bảo phục vụ cấp nước chu nhu cầu sản xuất nông nghiệp, dân sinh, và các ngành kinh tế. Hỗ trợ người dân hoàn tất việc xây dựng các công trình vệ sinh hộ gia đình và hỗ trợ cộng đồng, địa phương xây dựng các công trình vệ sinh và môi trường công cộng.

- Phát triển giao thông vận tải trên địa bàn huyện một cách bền vững, tạo sự liên kết, liên hoàn từ mạng lưới giao thông quốc gia đến đường tỉnh, đường huyện, đường xã;

- Cải tạo và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện, phát triển hệ thống bưu chính viễn thông, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

e. Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

- Phát triển hệ thống công trình giáo dục trung học phổ thông, hệ thống công trình y tế cấp huyện gắn với các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất.

Các giải pháp và kế hoạch thực hiện

Giải pháp về quy hoạch

Đối với khu vực nông thôn ngoài đô thị, lập quy hoạch xây dựng vùng huyện; xác định các công trình hạ tầng khung ưu tiên đầu tư làm cơ sở hình thành các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện. Rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới phù hợp với các định hướng lớn trong quy hoạch xây dựng vùng huyện.

Đối với khu vực nông thôn trong đô thị cần rà soát các quy hoạch đô thị (quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết) của các khu vực nông

thôn trong đô thị, đối chiếu với các quy hoạch chung huyện, quy hoạch xã nông thôn mới tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao.

Quy hoạch xây dựng các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Áp dụng có điều kiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của đô thị về đất đai, hạ tầng kỹ thuật đối với các dự án trong khu vực, làm tiền đề phát triển đô thị;

Điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là các vùng sản xuất tập trung nông, lâm, thủy sản, hàng hóa chủ yếu.

Quy hoạch phát triển công nghiệp chú trọng vào phát triển điện và năng lượng tái tạo ở nông thôn, phát triển mạnh công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu tại chỗ hoặc cần nhiều cho lao động.

Giải pháp đầu tư xây dựng

Nhà nước tham gia đầu tư cùng các doanh nghiệp trong xây dựng, quản lý và vận hành các công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

Thu hút tối đa nguồn lực đầu tư xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào hệ thống hạ tầng khung hoặc các công trình như cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;

Đối với khu vực nông thôn ngoài đô thị tập trung đầu tư vào hệ thống giao thông kết nối các xã đến các trung tâm dịch vụ hỗ trợ.

Đối với khu vực nông thôn trong đô thị tập trung cải tạo khu dân cư hiện hữu (chỗ ở, hạ tầng kỹ thuật, môi trường...).

Hoàn thiện các cơ chế chính sách

Thực thi các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác) các nhóm kinh tế tự nguyện tham gia vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp;

Chuyển giao một số chức năng dịch vụ công của nhà nước cho các hiệp hội (xúc tiến thương mại, tiêu chuẩn chất lượng, xử lý tranh chấp...); đẩy mạnh mối liên kết giữa nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp;

Xây dựng các chính sách để phát triển và giúp nông dân thay đổi tập quán canh tác và nâng cao chất lượng sản phẩm; hình thành mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng kết nối sản xuất, chế biến, phân phối và bán sản phẩm.

Kế hoạch, tiến độ thực hiện đề án

Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lựa chọn 01 huyện để triển khai thí điểm các định hướng và giải pháp xác định trong Đề án.

Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia lựa chọn 08 địa phương triển khai thí điểm gồm: Lào Cai, Bắc Giang, Nghệ An, Ninh Thuận lựa chọn các huyện nằm ngoài khu vực đô thị; Hà Nội, Cần Thơ, Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu lựa chọn các huyện nằm trong đô thị và các huyện có kế hoạch trở thành đô thị năm 2020.

UBND các tỉnh còn lại lựa chọn 01 huyện đáp ứng tiêu chí lựa chọn huyện thí điểm để triển khai trong giai đoạn 2017 - 2020;

Năm 2017: Tiến hành rà soát bổ sung các quy hoạch xây dựng (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch xây dựng vùng huyện), quy hoạch phát triển ngành và lĩnh vực liên quan đến xây dựng điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện.

Giai đoạn 2018 - 2020: Đầu tư xây dựng các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp xác định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Ngày 15 tháng 06 năm 2017, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BXD hướng dẫn phương pháp xác định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Nguyên tắc định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Việc định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với công nghệ xử lý; tuân thủ quy trình kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường, định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố và phù hợp với chất lượng của dịch vụ;

Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ của quá trình đầu tư và khai thác, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phù hợp với điều kiện thực tế tổ chức thực hiện dịch vụ; điều kiện hạ tầng kỹ thuật, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của địa phương;

Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải đảm bảo khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư để xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được xác định theo công thức sau:

$$G_{XLCTR} = Z_{TB} + (Z_{TB} \times P) \quad (1)$$

Trong đó:

+ G_{XLCTR} : là giá dịch vụ xử lý 01 tấn chất thải rắn sinh hoạt chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Đơn vị: đồng.

+ Z_{TB} : là giá thành toàn bộ để xử lý 01 tấn chất thải rắn sinh hoạt. Đơn vị: đồng

+ P là tỷ lệ lợi nhuận (%): không quá 5%.

2. Giá thành toàn bộ để xử lý 01 tấn chất thải rắn sinh hoạt (Z_{TB}) được xác định theo công thức sau:

$$Z_{TB} = CT / Q$$

Trong đó:

+ Z_{TB} : là giá thành toàn bộ để xử lý 01 tấn chất thải rắn sinh hoạt. Đơn vị: đồng.

+ C_T : là tổng chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Đơn vị: đồng.

+ Q : là tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt vận chuyển đến cơ sở xử lý để xử lý. Đơn vị: tấn.

Chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (C_T)

+ Chi phí vật tư trực tiếp: C_{VT}

+ Chi phí nhân công trực tiếp: C_{NC}

+ Chi phí máy, thiết bị trực tiếp: C_M

+ Chi phí sản xuất chung: C_{SXC}

Tổng chi phí sản xuất: $C_p = C_{VT} + C_{NC} + C_M + C_{SXC}$

Chi phí quản lý doanh nghiệp: C_q

Tổng chi phí: $C_T = C_p + C_q$

Trong đó:

+ Chi phí vật tư trực tiếp (C_{VT}) bao gồm: chi phí của các vật tư sử dụng trực tiếp trong quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt được xác định bằng tổng khối lượng của từng loại vật tư nhân (x) với đơn giá vật tư tương ứng.

+ Chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}), bao gồm: các khoản chi phí bằng tiền mà các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải trả cho người lao động trực tiếp như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác theo quy định đối với công nhân trực tiếp xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chi phí sản xuất chung (C_{SXC}) bao gồm các khoản chi phí sản xuất gián tiếp (ngoài các chi phí vật tư trực tiếp; chi phí nhân công trực

tiếp; chi phí máy, thiết bị trực tiếp) phát sinh tại cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, gồm: bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị trực tiếp; khấu hao, sửa chữa tài sản cố định (trừ máy, thiết bị trực tiếp); chi phí vật liệu, dụng cụ, công cụ dùng cho phân xưởng; tiền lương, phụ cấp có tính chất lương; khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của cán bộ, nhân viên phân xưởng (bao gồm cả khoản do người lao động phải nộp và khoản do doanh nghiệp chi trả); chi phí kiểm định, quan trắc môi trường; chi phí thuê mặt bằng phục vụ sản xuất (nếu có); chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác được tính vào giá thành theo quy định của pháp luật.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp (C_q), bao gồm toàn bộ các khoản chi phí chi cho bộ máy

quản lý và điều hành doanh nghiệp, các khoản chi phí có tính chất chung của toàn doanh nghiệp như: khấu hao, sửa chữa tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý và điều hành trong doanh nghiệp; chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí vật liệu, đồ dùng cho văn phòng, các khoản thuế, phí và lệ phí...

Chi phí quản lý doanh nghiệp xác định chi tiết theo từng khoản chi phí nêu trên nhưng không vượt quá 5% của tổng chi phí sản xuất (C_p).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2017.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng

Ngày 16 tháng 5 năm 2017, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 08/2017/TT-BXD quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

Nguyên tắc quản lý chất thải rắn xây dựng (CTRXD)

Quản lý CTRXD phải tuân thủ các nguyên tắc chung về quản lý chất thải có liên quan quy định tại Điều 4 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP;

Khi thiết kế công trình phải có giải pháp thiết kế và công nghệ, lựa chọn sử dụng vật liệu hợp lý nhằm hạn chế tối đa lượng chất thải phát sinh;

Vị trí, quy mô các điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý CTRXD phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch quản lý chất thải rắn;

Dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý CTRXD được hưởng ưu đãi theo các quy định về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành;

Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia

giám sát việc thực hiện các quy định quản lý CTRXD trên địa bàn.

Phân loại chất thải rắn xây dựng

CTRXD phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP thành các loại sau đây:

- + Chất thải rắn có khả năng tái chế được;
- + Chất thải rắn có thể được tái sử dụng ngay trên công trường hoặc tái sử dụng ở các công trường xây dựng khác;
- + Chất thải không tái chế, tái sử dụng được và phải đem đi chôn lấp;
- + Chất thải nguy hại được phân loại riêng và quản lý theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý chất thải nguy hại.

CTRXD sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải khác và phải được lưu giữ riêng theo quy định;

Trong trường hợp CTRXD thông thường có lẫn với chất thải nguy hại thì phải thực hiện việc

phân tách phần chất thải nguy hại. Nếu không thể tách được thì toàn bộ hỗn hợp phải được quản lý như chất thải nguy hại.

Lưu giữ chất thải rắn xây dựng

Khi tiến hành thi công xây dựng công trình, chủ nguồn thải phải bố trí thiết bị hoặc khu vực lưu giữ CTRXD trong khuôn viên công trường hoặc tại địa điểm theo quy định của chính quyền địa phương;

Địa điểm lưu giữ CTRXD phải bố trí ở nơi tránh bị ngập nước, hoặc nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ;

Thiết bị, khu vực lưu giữ CTRXD phải đảm bảo không gây cản trở giao thông của khu vực và đảm bảo mỹ quan đô thị; phải ghi hoặc dán nhãn thông tin về loại CTRXD;

Thời gian lưu giữ CTRXD phù hợp theo đặc tính của loại chất thải và quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị, địa điểm lưu giữ;

Các loại CTRXD có thể tái chế, tái sử dụng được phân loại phải lưu chứa trong các thiết bị hoặc khu vực lưu giữ riêng.

Thu gom, vận chuyển CTRXD

Việc thu gom, vận chuyển CTRXD phải theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cơ sở tái chế, công trình khác để tái chế, tái sử dụng;

Việc vận chuyển phải theo thời gian và lộ trình về tuyến đường, an toàn giao thông và tuân thủ các quy định về phân luồng giao thông tại địa phương;

Các phương tiện vận chuyển CTRXD phải đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn, được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành theo quy định;

Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi;

Trạm trung chuyển CTRXD

Trạm trung chuyển CTRXD phải ở vị trí thuận tiện giao thông đảm bảo hoạt động chuyên chở không gây ảnh hưởng tới chất

lượng môi trường và mỹ quan đô thị;

Trạm trung chuyển CTRXD chỉ tiếp nhận và lưu giữ CTRXD thông thường, CTRXD có chứa thành phần nguy hại phải được vận chuyển trực tiếp đến cơ sở xử lý chất thải nguy hại;

Trạm trung chuyển phải có khả năng tiếp nhận và lưu giữ khối lượng CTRXD phù hợp với khả năng thu gom, vận chuyển trên địa bàn, nhưng không vượt quá 80% khả năng lưu chứa của trạm trung chuyển.

Tái sử dụng, tái chế CTRXD

CTRXD được tái sử dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;

Đối với công trình xây dựng (không bao gồm nhà ở), khuyến khích việc tái chế tái sử dụng CTRXD ngay tại công trường;

CTRXD có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom, vận chuyển đến các cơ sở xử lý CTRXD để tái chế, tái sử dụng;

Các loại CTRXD được tái chế, tái sử dụng theo các mục đích sau:

+ CTRXD dạng bê tông và gạch vụn chủ yếu được tái chế thành cốt liệu thô, có thể sử dụng làm vật liệu sản xuất gạch, tấm tường, gạch lát nền, các sản phẩm vật liệu xây dựng khác hoặc san nền;

+ Đối với CTRXD như gỗ, giấy chủ yếu được tái chế làm nguyên liệu cho sản xuất giấy, gỗ và nhiên liệu đốt;

+ Đối với CTRXD là vật liệu hỗn hợp nhựa đường, có thể tái chế thành vật liệu bê tông nhựa (dạng cốt liệu);

+ Đối với phế liệu là thép và các vật liệu kim loại khác, có thể trực tiếp tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu cho ngành luyện kim;

Xử lý CTRXD

Khuyến khích việc xử lý CTRXD tại nơi phát sinh với quy trình, công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường;

Các công nghệ xử lý CTRXD bao gồm: Nghiền, sàng; sản xuất vật liệu xây dựng; chôn lấp; các công nghệ khác;

Công nghệ xử lý CTRXD phải phù hợp với

quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội;

Việc lựa chọn chủ đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTRXD phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Thông tư này cũng quy định trách nhiệm của

các bên liên quan bao gồm trách nhiệm của chủ nguồn thải; chủ thu gom, vận chuyển; chủ xử lý; chủ đầu tư công trình xây dựng; UBND các cấp và trách nhiệm của Sở Xây dựng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung về quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh

Ngày 08 tháng 3 năm 2016, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND quy định một số nội dung về quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh.

Quy định về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật dự án nhà ở tại đô thị

Các công trình hạ tầng kỹ thuật có tổng mức đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên thực hiện đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật theo hình thức Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) theo quy định tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật có tổng mức đầu tư dưới 20 tỷ đồng được đưa vào cùng dự án nhà ở hoặc Nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng.

Đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân

Trình tự thực hiện xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

Thiết kế xây dựng nhà ở: Nhà ở phải được thiết kế để làm cơ sở tổ chức thi công xây dựng công trình. Chủ đầu tư phải lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực hoạt động thiết kế để thiết kế công trình nhà ở, trừ trường hợp nhà ở có diện tích sàn nhỏ hơn 250m² hoặc dưới 3 tầng hoặc có chiều cao dưới 12m, chủ

đầu tư được tự thiết kế và chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế của mình;

Thẩm định thiết kế: Đối với nhà ở từ 07 tầng trở lên, chủ đầu tư phải gửi Hồ sơ thiết kế đến Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định;

Cấp giấy phép xây dựng nhà ở (trừ các công trình được miễn giấy phép xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014): Thực hiện theo quy định tại Chương V Luật Xây dựng năm 2014, quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp phép xây dựng.

Tổ chức thi công công trình: Chủ đầu tư tự tổ chức thi công công trình nhà ở và tự chịu trách nhiệm về chất lượng công trình.

Quản lý dự án phát triển nhà ở sử dụng vốn nhà nước

Trình tự thực hiện dự án

- Đề xuất chủ trương đầu tư dự án;
- Thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án;
- Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế kỹ thuật (nếu có), thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình;
- Cấp Giấy phép xây dựng công trình (trừ các công trình được miễn giấy phép xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014);

- Tổ chức thi công công trình;
- Hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

Quản lý dự án phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội sử dụng nguồn vốn khác*Trình tự thực hiện dự án*

- Lập đề xuất và phê duyệt danh mục dự án đầu tư;

- Lựa chọn chủ đầu tư;

- Đàm phán, hoàn thiện và ký kết Hợp đồng dự án;

- Lập, thẩm định, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;

- Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng;

- Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật (nếu có), thiết kế bản vẽ thi công công trình;

- Cấp Giấy phép xây dựng công trình;

- Tổ chức thi công xây dựng công trình;

- Hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng;

- Bảo hành công trình nhà ở.

Lựa chọn chủ đầu tư dự án*Cơ quan tổ chức lựa chọn chủ đầu tư dự án:*

Sở Xây dựng hoặc UBND các huyện, thành phố Lào Cai là bên mời thầu tổ chức lựa chọn chủ đầu tư và được ủy quyền thực hiện đàm phán, hoàn thiện, ký kết Hợp đồng dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội.

Các hình thức lựa chọn chủ đầu tư dự án:

- + Đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất đã được giải phóng xong mặt bằng, đã được quy hoạch chi tiết là đất xây dựng nhà ở để thực hiện đầu tư xây dựng dự án nhà ở thương mại.

- + Đấu thầu dự án theo quy định của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP trong các trường hợp: Khu đất phải giải phóng mặt bằng; khu đất sạch để đầu tư dự án nhà ở xã hội.

- + Chỉ định chủ đầu tư thực hiện dự án trong các trường hợp sau đây:

Chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và trúng sơ tuyển hoặc chỉ có một nhà đầu tư đủ điều kiện quy định tại Điều 21 Luật Nhà ở đăng ký tham

gia trong quá trình tổ chức lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở;

Chỉ có một nhà đầu tư có khả năng thực hiện dự án do liên quan đến sở hữu trí tuệ, bí mật thương mại, công nghệ hoặc thu xếp vốn;

Trường hợp phải dành quỹ đất trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Nhà ở năm 2014;

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất ở hợp pháp, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, có đủ điều kiện làm chủ đầu tư theo quy định tại Điều 21 của Luật Nhà ở và có nhu cầu tham gia đầu tư xây dựng nhà ở;

Doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp xây dựng nhà ở xã hội cho người lao động của doanh nghiệp;

Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà ở*Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng nhà ở:*

Sở Xây dựng chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng nhà ở từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh;

Chủ đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung khác của dự án đầu tư xây dựng công trình;

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động PPP, chủ trì thẩm định dự án và tổng hợp kết quả trình UBND tỉnh phê duyệt đối với dự án nhà ở xã hội theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT). Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm gửi 01 bộ hồ sơ dự án đến Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở.

Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình nhà ở

Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở từ cấp III trở lên;

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế các công trình nhà ở cấp IV và dự toán xây dựng.

Chủ đầu tư căn cứ kết quả thẩm định thiết kế và dự toán để phê duyệt thiết kế, dự toán công trình.

Nội dung phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình: Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

Cấp Giấy phép xây dựng công trình nhà ở

Trước khi khởi công xây dựng, các công trình nhà ở đều phải có Giấy phép xây dựng, trừ các công trình: Nhà ở có thiết kế do UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện phê duyệt; Nhà ở thuộc dự án phát triển đô thị, dự án đầu tư phát triển nhà ở có quy mô dưới 7 tầng và tổng diện tích sàn dưới 500m² có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng công trình đến Sở Xây dựng để được cấp Giấy phép xây dựng công trình. Việc cấp Giấy phép xây dựng công trình được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và quy định về thủ tục hành chính do Bộ Xây dựng công bố.

Kinh doanh nhà ở

Điều kiện của nhà ở thuộc dự án đầu tư phát triển nhà ở đưa vào kinh doanh

Nhà ở thuộc dự án đầu tư phát triển nhà ở (gồm: Nhà ở thương mại và nhà ở xã hội) đã hoàn thành khi đưa vào kinh doanh phải có các điều kiện sau:

+ Có đăng ký quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất trong giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất. Đối với nhà, công trình xây dựng có sẵn trong dự án đầu tư kinh doanh bất động sản thì chỉ cần có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

+ Không có tranh chấp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất;

+ Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.

Đối với nhà ở hình thành trong tương lai, ngoài các điều kiện trên phải có thêm các điều

kiện sau:

+ Có hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng, giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ dự án. Trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở hình thành trong tương lai thì phải có biên bản nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đã hoàn thành xong phần móng của tòa nhà đó. Đã giải chấp đối với trường hợp chủ đầu tư có thể chấp nhà ở này, trừ trường hợp được người mua, thuê mua và bên nhận thế chấp đồng ý;

+ Văn bản thông báo của Sở Xây dựng về việc nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua.

Giá mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua nhà ở

Giá mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua nhà ở thương mại do các bên thỏa thuận và được ghi rõ trong hợp đồng.

Chủ đầu tư tự xác định giá bán nhà, giá cho thuê mua nhà, giá cho thuê nhà theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Chủ đầu tư không được bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội vượt quá mức giá đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

Phân cấp quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước:

UBND tỉnh là chủ sở hữu các loại nhà ở công vụ; nhà ở học sinh do các UBND cấp huyện hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý; nhà ở sinh viên do các Trường đại học, cao đẳng, trung cấp quản lý;

Sở Xây dựng là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh;

Phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai, phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện giúp UBND cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở công vụ trên địa bàn và quản lý vận hành nhà ở công vụ cho cán bộ cấp huyện;

Xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

Việc xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà do Chủ đầu tư dự án thực hiện theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp trên tổng số điểm của các tiêu chí dưới đây:

+ Hộ gia đình là người có công với cách mạng: 10 điểm;

+ Hộ gia đình có cam kết ứng tiền trước khi được giao nhà: 7 điểm;

+ Trí thức trẻ tốt nghiệp Đại học trở lên dưới 30 tuổi tự nguyện lên công tác tại Lào Cai: 5 điểm.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.laocai.gov.vn)

UBND tỉnh Yên Bái có Quyết định quy định về phân cấp xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh

Ngày 12 tháng 4 năm 2017, UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND quy định về phân cấp xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

Phân cấp nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Nghĩa trang quốc gia: Cấp I với mọi quy mô;

Nghĩa trang cấp I: Có quy mô diện tích đất trên 60 ha;

Nghĩa trang cấp II: Có quy mô diện tích đất từ 30 ha đến 60 ha;

Nghĩa trang cấp III: Có quy mô diện tích đất từ 10 ha đến dưới 30 ha;

Nghĩa trang cấp IV: Có quy mô diện tích đất nhỏ hơn 10 ha;

Cơ sở hỏa táng: Cấp II với mọi quy mô.

Các nguyên tắc đối với hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Tất cả các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải được quy hoạch và phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tuân thủ pháp luật về quy hoạch, xây dựng và bảo vệ môi trường.

Việc quản lý đất nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

phải tuân theo pháp luật về đất đai, tiết kiệm và hiệu quả; đảm bảo an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường;

Việc táng được thực hiện trong các nghĩa trang, trường hợp táng trong các khuôn viên nhà thờ, nhà chùa, thánh thất tôn giáo phải đảm bảo vệ sinh môi trường và được sự chấp thuận của UBND cấp huyện;

Vệ sinh mai táng, hỏa táng và vệ sinh trong xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định của Bộ Y tế;

Các đối tượng bảo trợ xã hội khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định hiện hành;

Chủ đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng có trách nhiệm quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan;

Người sử dụng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng phải tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng khi tiến hành lập quy hoạch chi tiết xây dựng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy

hoạch nghĩa trang vùng tỉnh, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

Đối với các nghĩa trang có quy mô nhỏ hơn 05 ha, đã có quy hoạch tổng thể hoặc quy hoạch vùng tỉnh hoặc quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh hoặc quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt thì lập dự án đầu tư xây dựng (trong đó bao gồm tổng mặt bằng xây dựng), không phải lập quy hoạch chi tiết;

Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng các nghĩa trang cấp I, cấp II, cơ sở hỏa táng và nghĩa trang liên huyện được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước.

UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng các nghĩa trang cấp III, cấp IV được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng gửi về Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Thẩm quyền quyết định việc cải tạo, đóng cửa, di chuyển nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện rà soát trình UBND tỉnh quyết định việc cải tạo, đóng cửa hoặc di chuyển nghĩa trang cấp I, cấp II và nghĩa trang liên huyện trên địa bàn tỉnh.

UBND cấp huyện căn cứ quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt và điều kiện thực tế của địa phương để lập kế hoạch, tiến độ thực hiện và quyết định việc cải tạo, đóng cửa hoặc di chuyển nghĩa trang cấp III, cấp IV và các phần mộ riêng lẻ

trên địa bàn do huyện quản lý.

Quy chế quản lý nghĩa trang và nội quy quản lý cơ sở hỏa táng

Quy chế quản lý nghĩa trang:

Các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng nghĩa trang có trách nhiệm lập quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do mình quản lý. Nội dung quy chế quản lý nghĩa trang thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

Thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang:

- Đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

+ Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang liên huyện;

+ UBND cấp huyện tổ chức thẩm định và phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do huyện quản lý.

- Đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Tổ chức, cá nhân phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang do mình đầu tư xây dựng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng và UBND huyện nơi có nghĩa trang được đầu tư xây dựng. Quy chế quản lý nghĩa trang sau khi được phê duyệt phải gửi cho UBND huyện nơi có nghĩa trang được đầu tư xây dựng để quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

Nội quy quản lý cơ sở hỏa táng:

Các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở hỏa táng có trách nhiệm lập nội quy quản lý đối với các cơ sở hỏa táng do mình quản lý. Nội quy quản lý cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân phê duyệt nội quy quản lý cơ sở hỏa táng do mình đầu tư xây dựng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng và UBND cấp huyện nơi có cơ sở hỏa táng được đầu tư xây dựng. Nội quy quản lý cơ sở hỏa táng sau khi được phê duyệt phải gửi

cho Sở Xây dựng và UBND cấp huyện nơi có cơ sở hỏa táng được đầu tư xây dựng để quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

Các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được xây dựng mới, quy chế quản lý nghĩa trang, nội quy quản lý cơ sở hỏa táng phải được lập và phê duyệt trước khi đưa vào khai thác, sử dụng. Đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng hiện hữu

nếu chưa có quy chế quản lý, nội quy quản lý thì phải tiến hành lập và phê duyệt theo đúng quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 4 năm 2017.

Xem toàn văn tại (www.yenbai.gov.vn)

**Nghiệm thu Đề tài soát xét, chỉnh sửa
TCVN 7959:2011, TCVN 9029:2011
và TCVN 9030:2011**

Ngày 14/6/2017, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị nghiệm thu đề tài soát xét, chỉnh sửa các Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 7959:2011, TCVN 9029:2011 và TCVN 9030:2011 do Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam thực hiện. Chủ tịch Hội đồng - TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường (Bộ Xây dựng) chủ trì Hội nghị.

Báo cáo các kết quả nghiên cứu, soát xét, chỉnh sửa các TCVN 7959:2011, 9029:2011 và 9030:2011, chủ nhiệm đề tài - TS. Thái Duy Sâm cho biết: năm 2011, Bộ Xây dựng đã biên soạn và Bộ Khoa học và công nghệ công bố các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia cho một số sản phẩm vật liệu xây không nung. Trong đó có tiêu chuẩn TCVN 7959:2011 Bê tông nhẹ - gạch bê tông khí chung áp (AAC), TCVN 9029:2011 Bê tông nhẹ - gạch bê tông bọt, khí không chung áp - yêu cầu kỹ thuật và TCVN 9030:2011 Bê tông nhẹ - gạch bê tông bọt, khí không chung áp - phương pháp thử. Sau nhiều năm đi vào thực tế, 3 tiêu chuẩn nói trên đã phát huy vai trò quan trọng, song cũng xuất hiện một số bất cập cần được điều chỉnh, khắc phục.

TS. Thái Duy Sâm cho biết, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, nhóm tác giả đã tiến hành soát xét 3 TCVN nêu trên theo hướng TCVN 7959:2017 là tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật cho sản phẩm bê tông khí chung áp, TCVN 9029:2017 là tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật cho sản phẩm bê tông bọt, khí không chung áp, TCVN 9030:2017 là tiêu chuẩn phương pháp thử cho sản phẩm bê tông bọt, khí nói chung. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đã đề xuất các dự thảo TCVN 7959:2017 Bê tông nhẹ - sản phẩm bê tông khí chung áp - yêu cầu kỹ thuật. TCVN 9029:2017 Bê tông nhẹ - sản phẩm bê tông bọt, khí không chung áp - yêu cầu kỹ thuật, TCVN 9030:2011- Bê tông bọt, khí -



Quảng cảnh Hội nghị

phương pháp thử.

Về phạm vi áp dụng, TCVN 7959:2017 quy định yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm bê tông khí chung áp dạng khối hoặc dạng tấm không có cốt thép, dùng cho các kết cấu tường, vách ngăn trong các công trình xây dựng. TCVN 9030:2017 quy định phương pháp thử các chỉ tiêu kỹ thuật cho sản phẩm bê tông bọt, khí không chung áp và sản phẩm bê tông khí chung áp được sử dụng làm tường trong công trình xây dựng.

Đối với TCVN 9030:2017, TS. Thái Duy Sâm cho biết, tiêu chuẩn này thêm phạm vi áp dụng cho sản phẩm bê tông khí chung áp và sử dụng cho xây tường trong công trình xây dựng để thống nhất với TCVN 9029:2017.

Sau khi nghe đại diện nhóm nghiên cứu báo cáo kết quả chính của Đề tài, các chuyên gia phản biện, và thành viên Hội đồng đóng góp những ý kiến giúp nhóm tác giả hoàn thiện Báo cáo. Hầu hết các chuyên gia và thành viên Hội đồng đều ghi nhận nỗ lực của nhóm tác giả trong việc sư tầm, nghiên cứu tài liệu, tham khảo tiêu chuẩn các nước như: Nga, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc, châu Âu để cập nhật các thông tin dữ liệu mới nhất về công nghệ cũng như các chỉ tiêu kỹ thuật trên thế giới để áp dụng vào Việt Nam.

TS. Hoàng Văn Tiến - chuyên gia phản biện

cho biết, các sản phẩm bê tông khí chưng áp, bê tông bọt, bê tông khí không chưng áp đã và đang được sử dụng nhiều trong các công trình xây dựng ở Việt Nam, với nhiều kích thước, chủng loại khác nhau, như: Gạch block, các loại tấm, sản phẩm panel tường bê tông lắp ghép cho các vách ngăn nhà ở và nhà xưởng. Vì thế, việc soát xét TCVN 7959:2011, TCVN 9029:2011 và TCVN 9030:2011 là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam hiện nay.

TS. Hoàng Văn Tiến nhận xét, các dự thảo tiêu chuẩn được trình bày rõ ràng, bố cục, nội dung hợp lý, đáp ứng được các yêu cầu về thực tế công nghệ sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm bê tông khí chưng áp, bê tông bọt, bê tông khí không chưng áp hiện nay ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong các dự thảo tiêu chuẩn vẫn còn một số lỗi về sử dụng thuật ngữ, lỗi đánh máy và chú thích bảng, biểu.

Kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng Lê Trung Thành đánh giá nhóm tác giả đã thực

hiện tốt các nhiệm vụ được giao; dự thảo tiêu chuẩn đạt chất lượng cao; các nội dung chỉnh sửa đều được nhóm tác giả giải thích đầy đủ, thuyết phục. Ông Lê Trung Thành đề nghị nhóm tác giả rà soát chỉnh sửa thuật ngữ cho phù hợp hơn, chú ý bổ sung tiêu chí sản phẩm phải đạt độ ẩm xuất xưởng.

Ông Lê Trung Thành yêu cầu nhóm tác giả tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện, các thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện các dự thảo tiêu chuẩn, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, sau đó chuyển sang Bộ Khoa học và Công nghệ làm thủ tục thẩm định và công bố tiêu chuẩn.

Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu các Dự thảo TCVN soát xét, chỉnh sửa TCVN 7959:2011, TCVN 9029:2011 và TCVN 9030:2011, kết quả đều đạt loại Xuất sắc.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu Đề tài biên soạn tiêu chuẩn Việt Nam "Tuy nện kỹ thuật - yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu"

Ngày 15/6/2017 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức cuộc họp nghiệm thu kết quả của Đề tài biên soạn tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) - "Tuy nện kỹ thuật - yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu" do Viện KHCN Xây dựng thực hiện. Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường (Bộ Xây dựng), Chủ tịch Hội đồng - TS. Hoàng Quang Nhu chủ trì cuộc họp.

Theo báo cáo của Chủ nhiệm đề tài - TS. Trần Toàn Thắng tại cuộc họp, hiện nay, trong các đô thị lớn của nước ta có nhu cầu cấp thiết về phát triển những tuyến mới của hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước, cáp viễn thông...), mở rộng những tuyến đã có và chỉnh trang mỹ quan đô thị - việc xây dựng các tuy

nen kỹ thuật ngầm để đáp ứng nhu cầu trên là cần thiết và cấp bách. Mặc dù tại nhiều đô thị đã triển khai các dự án xây dựng các đường hầm (tuy nện) dùng chung cho các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật ngầm, nhưng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ cho công tác này còn rất hạn chế, gây khó khăn cho các nhà quản lý, các nhà đầu tư vì thiếu cơ sở pháp lý do chưa được hướng dẫn, quy định cụ thể. Từ những đòi hỏi của thực tiễn, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện KHCN Xây dựng triển khai Đề tài nghiên cứu biên soạn TCVN ""Tuy nện kỹ thuật - yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu" trên cơ sở chuyển dịch từ tiêu chuẩn nước ngoài, có điều chỉnh phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Theo TS. Trần Toàn Thắng, qua nghiên cứu

các tiêu chuẩn tương đương của nước ngoài, cho thấy, tiêu chuẩn của Nga CTO 2.16.65-2012 “Đường hầm dùng chung cho các dịch vụ kỹ thuật - Yêu cầu đối với việc thiết kế, xây dựng, kiểm soát chất lượng và nghiệm thu công trình” với những hướng dẫn và quy định rất cụ thể và phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam trong các lĩnh vực kết cấu xây dựng do các tiêu chuẩn đó chủ yếu được chuyển dịch từ tiêu chuẩn của Nga.

Bên cạnh việc chuyển dịch từ bản gốc tiêu chuẩn Nga, nhóm tác giả đã loại bỏ một số nội dung không phù hợp với điều kiện Việt Nam, ví dụ như điều kiện khí hậu băng giá, tuyết. Đồng thời nhóm tác giả cũng nghiên cứu hệ thống tiêu chuẩn của Nga, của Việt Nam để viện dẫn hoặc dẫn chiếu, tham khảo các tiêu chuẩn Việt Nam để đảm bảo đồng bộ về hệ thống, thống nhất về thuật ngữ.

Dự thảo Tiêu chuẩn TCVN “Tuy nện kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu” được biên soạn gồm 7 phần và 3 phụ lục: Phạm vi áp dụng; Tiêu chuẩn viện dẫn; Thuật ngữ và định nghĩa; Quy định chung; Khảo sát và thiết kế; Tổ chức và thi công xây dựng; Kiểm tra và nghiệm thu công việc.

Đánh giá về sự cần thiết, các chuyên gia phản biện của Hội đồng cho rằng, việc nghiên cứu biên soạn TCVN “Tuy nện kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu” là hết sức cần thiết do hiện nay ở nước ta chưa có. Tiêu chuẩn này sẽ là công cụ để các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng trong quản lý, phát triển đô thị. Việc biên soạn tiêu chuẩn theo phương pháp chuyển dịch từ tiêu chuẩn của các nước tiên tiến, ở đây là tiêu chuẩn của Nga, là phương pháp nhanh nhất, hiệu quả nhất trong công tác tiêu chuẩn hóa của nước ta. Lựa chọn chuyển dịch từ tiêu chuẩn Nga tương đương,



Toàn cảnh cuộc họp

phiên bản mới nhất, là hợp lý, nội dung của tiêu chuẩn bao quát nhưng cũng rất chi tiết, có tính khả thi áp dụng cao trong thực tế.

Các chuyên gia của Hội đồng đánh giá cao sự nghiêm túc của nhóm tác giả trong việc thực hiện Đề tài này, chất lượng chuyển dịch tốt, tài liệu viện dẫn phong phú, nội dung và bố cục dự thảo tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu đặt ra. Tuy nhiên, các chuyên gia của Hội đồng cũng đóng góp ý kiến để nhóm tác giả chỉnh sửa một số đoạn văn phong dịch còn thiếu chính xác, chưa thuần việt, sử dụng thuật ngữ thiếu thống nhất...

Phát biểu kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Hoàng Quang Nhu nhất trí với các ý kiến đánh giá và góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên của Hội đồng, đề nghị nhóm tác giả nghiên cứu, tiếp thu. Chủ tịch Hội đồng Hoàng Quang Nhu cũng lưu ý nhóm tác giả cần nghiên cứu mở rộng thêm phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này, cập nhật các tiêu chuẩn viện dẫn mới, rà soát phần nghiệm thu cho phù hợp với các quy định của pháp luật xây dựng về nghiệm thu công trình xây dựng đã ban hành.

Hội đồng đã bỏ phiếu nhất trí nghiệm thu kết quả của Đề tài, với mức đánh giá xếp loại xuất sắc.

Minh Tuấn

Hội nghị tập huấn công tác quản lý năng lực hoạt động xây dựng

Ngày 2/6/2017, tại trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tập huấn công tác quản lý năng lực hoạt động xây dựng và chuyển giao tài khoản phần mềm sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề cho các Sở Xây dựng địa phương trên toàn quốc.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, đại diện Bộ Xây dựng - Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bùi Trung Dung cho biết, trong thời gian qua, Bộ Xây dựng đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều chính sách pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng, trong đó có Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng. Sắp tới, Bộ Xây dựng sẽ tổ chức soát xét Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 về việc hướng dẫn cấp giấy phép xây dựng, nhằm đảm bảo hơn nữa quyền, lợi ích chính đáng của người dân.

Ông Bùi Trung Dung cho biết, để xây dựng phần mềm sát hạch cũng như Bộ câu hỏi trắc nghiệm phục vụ sát hạch, Bộ Xây dựng đã tập hợp và xin ý kiến của đông đảo chuyên gia đầu ngành trong từng lĩnh vực cụ thể, kinh phí thực hiện được xã hội hóa 100%. Đây là nỗ lực rất lớn của Bộ Xây dựng nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả tốt nhất những nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

Trình bày tham luận về Hướng dẫn sử dụng quản trị hệ thống phần mềm sát hạch trực tuyến, ông Đỗ Vũ Dũng - Văn phòng Cục Quản lý hoạt động xây dựng hướng dẫn về quyền quản trị tài khoản phần mềm sát hạch sẽ chuyển giao cho Sở Xây dựng các địa phương tại Hội nghị và chi tiết các thao tác tạo lập, quản trị ca thi sát hạch, bảo mật phần mềm sát hạch. Việc chuyển giao tài khoản phần mềm sát hạch sẽ giúp các Sở Xây dựng địa phương tăng cường chủ động trong việc sắp xếp, tổ chức sát



Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bùi Trung Dung phát biểu tại Hội nghị

hạch phục vụ cấp Chứng chỉ hành nghề.

Ông Đỗ Vũ Dũng cũng lưu ý các Sở Xây dựng địa phương phải đặc biệt đề cao tính bảo mật của tài khoản, tránh trường hợp người lạ truy cập, gây nhiễu thông tin trên hệ thống.

Thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, tháng 8/2016 trong chương trình tập huấn “Phổ biến Nghị định 59/NĐ-CP trên toàn quốc”, Trung tâm Thông tin đã tích cực phối hợp với Cục Quản lý hoạt động xây dựng tổ chức giới thiệu, hướng dẫn sử dụng Chương trình cấp Chứng chỉ trực tuyến trong cả nước, tại địa chỉ truy cập: ccxd.xaydung.gov.vn. Đến nay, sau 9 tháng thí điểm sử dụng trong cả nước và sau 5 tháng ban hành Quy chế thi sát hạch, Chương trình đã có một số kết quả: 32/63 đơn vị tạo tài khoản sử dụng; 22/63 đơn vị tiếp nhận hồ sơ; 9/63 đơn vị thường xuyên sử dụng; tiếp nhận 2.961 hồ sơ công dân. Bên cạnh đó, Chương trình cũng đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ Sở Xây dựng các địa phương.

Tham dự Hội nghị tập huấn, ông Đặng Mạnh Tùng - Trung tâm Thông tin, Bộ Xây dựng trình bày tham luận Hướng dẫn quản lý cấp Chứng chỉ hành nghề trực tuyến. Theo đó, quy trình cấp Chứng chỉ được xây dựng dựa trên cơ sở Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016



Phó Cục trưởng Bùi Văn Dưỡng chuyển giao tài khoản quản lý phần mềm sát hạch cấp Chứng chỉ hành nghề cho đại diện Sở Xây dựng các địa phương

của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Thực hiện Chương trình có các bộ phận với vai trò: Tiếp nhận hồ sơ, sát hạch, hội đồng, quản lý cấp in, lãnh đạo ký duyệt, quản trị hệ thống. Do tình hình thực tế tại các địa phương nên quy trình và phần mềm được cải tiến cho phù hợp theo hướng tích hợp các chức năng của tiếp nhận hồ sơ, tổ sát hạch và hội đồng trong một tài khoản. Sau đó, dữ liệu được chuyển tiếp sang phần mềm sát hạch đối với trường hợp thi. Đối với trường hợp cấp lại, đã thi, chuyển đổi nước ngoài thì dữ liệu được chuyển tiếp sang phần mềm cấp mã số và in Chứng chỉ.

Ông Tùng cho biết, phần mềm này đã bổ sung một số chức năng như: Đăng ký thi - áp

dụng thi sát hạch (mới bổ sung, không có trong form Thông tư số 17/2016/TT-BXD); Cấp chứng chỉ - đây là trường hợp cấp mới hoặc cấp lại, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi như theo mẫu của Thông tư số 17/2016/TT-BXD, khi đó, ngoài xin cấp, trường hợp lĩnh vực mới có bổ sung các trường hợp xin cấp đã thi sát hạch; Nhập dữ liệu ở ô lĩnh vực đã thi; Nhập mới dữ liệu hồ sơ (đối với công dân, cán bộ tiếp nhận); Cán bộ Tiếp nhận bao gồm chức năng sát hạch, hội đồng trước đây; Tạo danh sách duyệt thi sát hạch, cấp chứng chỉ; Chuyển tạo danh sách thi sát hạch, cấp mã số; Kiểm tra, loại lĩnh vực thi sát hạch, cấp mã số; Tạo danh sách thi sát hạch mã số.

Cũng tại Hội nghị, Phó Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bùi Văn Dưỡng đã giải đáp nhiều vướng mắc trong triển khai công tác quản lý năng lực hoạt động xây dựng và sử dụng phần mềm sát hạch. Ông Dưỡng cho biết, đối với bộ câu hỏi sát hạch, Bộ Xây dựng vẫn luôn ghi nhận những góp ý, bổ sung từ các chuyên gia hoặc các Sở Xây dựng để hoàn chỉnh, đảm bảo hài hòa tỷ lệ câu hỏi giữa các lĩnh vực.

Kết thúc Hội thảo, Phó Cục trưởng Bùi Văn Dưỡng đã chuyển giao tài khoản quản lý phần mềm sát hạch cấp Chứng chỉ hành nghề cho đại diện các Sở Xây dựng trên toàn quốc.

Trần Đình Hà

Giải pháp xanh trong xử lý nước thải với bồn tự hoại Septic Sơn Hà

Ngày 6/6/2017, tại Hà Nội, Báo Xây dựng phối hợp với Tập đoàn Sơn Hà tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: Bồn tự hoại Septic Sơn Hà - Giải pháp xanh trong xử lý nước thải. Tham dự Hội thảo có các chuyên gia, nhà quản lý đến từ Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và công nghệ, đại diện các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng trong nước và quốc tế.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Tổng Biên tập Báo Xây dựng Nguyễn Anh Dũng cho biết: Bể tự hoại truyền thống là công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phổ biến ở Việt Nam. Tuy nhiên, công trình này khó đấu nối với hệ thống cống thoát nước thải do đó hiệu suất xử lý ô nhiễm thấp. Bên cạnh đó, nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình, khu dân cư, khu công nghiệp



Đại diện Tập đoàn Sơn Hà trình bày giải pháp thay thế các bể tự hoại bê tông cốt thép truyền thống bằng bồn tự hoại Septic Sơn Hà

mới chỉ một phần được xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại này, còn phần lớn là xả thải trực tiếp vào hệ thống cống chung, kênh mương, ao hồ tự nhiên, khiến cho nguồn nước nhiều nơi bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Theo Báo cáo tại Hội thảo, một số thành phần trong nước thải sinh hoạt, đặc biệt các thành phần chứa gốc Sunfat trong điều kiện phân hủy kỵ khí sẽ sinh ra nhiều loại khí độc và có mùi hôi thối. Mặt khác, chất thải hữu cơ từ hầm rút theo dòng nước đi ra sông có thể gây ra hiện tượng tảo nở hoa, kể cả loại tảo độc Cyanobacteria. Đặc biệt, những vùng nằm gần với nguồn nước nuôi cá, tôm cua, những hệ thống tự hoại bị hư hại có thể gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch của nông dân. Do đó, việc xử lý nước thải sinh hoạt phân tán ở quy mô hộ gia đình và cụm dân cư sẽ giữ vai trò quyết định trong bảo vệ môi trường đô thị, ven đô và nông thôn.

Tuy nhiên, việc xử lý nước thải sinh hoạt trong các khu dân cư, khu đô thị hiện nay vẫn dựa trên hệ thống bể phốt bằng bê tông. Sau một thời gian sử dụng, các bể tự hoại này có nguy cơ xuống cấp và rò rỉ chất thải trực tiếp ra môi trường. Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo an toàn, không gây hại tới môi trường và sức khỏe con người được các nhà khoa học và các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm.



Quang cảnh Hội thảo

Theo ông Nguyễn Anh Dũng, việc Tập đoàn Sơn Hà nghiên cứu và cho ra mắt sản phẩm bồn tự hoại Septic với tính năng ưu việt, được thiết kế với khả năng phân hủy tối đa lượng chất thải, góp phần bảo vệ môi trường được coi là một trong các giải pháp thay thế hữu hiệu cho các bể tự hoại bằng bê tông đã không còn phù hợp trong đời sống hiện đại ngày nay.

Tại Hội thảo, các diễn giả trình bày tham luận về những nội dung: Thực trạng ô nhiễm môi trường do nước thải sinh hoạt và những ảnh hưởng tới sức khỏe con người; các giải pháp xử lý nước thải sinh hoạt tại Việt Nam; giải pháp xanh, an toàn cho môi trường với sản phẩm bồn tự hoại Septic Sơn Hà - giải pháp thay thế cho các bể tự hoại bằng bê tông cốt thép truyền thống. Bên cạnh đó, Hội thảo còn diễn ra phần đối thoại giữa các diễn giả trong nước, quốc tế về các giải pháp xử lý nước thải tiên tiến hiện nay và tính phổ biến của sản phẩm bồn tự hoại Septic trên thế giới, đặc biệt là ở khu vực châu Á.

Phát biểu tại Hội thảo, đại diện Tập đoàn Sơn Hà cho biết, bồn tự hoại Septic Sơn Hà được sản xuất từ vật liệu nhựa LLDPE (nhựa nguyên sinh) liền khối 3 lớp dày từ 6 - 8mm, với nhiều gân cứng bao quanh nên rất chắc chắn, chống chịu được nhiều tạp chất hóa học, khả năng chống thấm tốt, ngăn chặn hiệu quả nguy cơ rò rỉ nước thải. Sản phẩm này được sản xuất theo dây chuyền công nghệ tiên tiến nhất của Ấn Độ và được thử nghiệm theo tiêu chuẩn

quốc tế vô cùng khắt khe.

Bồn tự hoại Septic Sơn Hà có thiết kế kiểu dáng hình cầu hiện đại với hàng trăm quả cầu lọc thông minh có tác dụng làm tan các chất thải thô, đồng thời là nơi trú ngụ của các vi sinh vật kỵ khí. Sau quá trình xử lý, chất thải đảm bảo đạt loại B (an toàn với môi trường). Đặc

biệt, sản phẩm bồn tự hoại Septic Sơn Hà dễ dàng vận chuyển và dễ dàng lắp đặt ở mọi địa hình, như: Trong nhà, ngoài vườn, các công trình công cộng.

Trần Đình Hà

Hội nghị tập huấn và chuyển giao hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu hiệu quả năng lượng công trình xây dựng

Ngày 9/6/2017 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị tập huấn và chuyển giao hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu hiệu quả năng lượng công trình xây dựng cho các Sở Xây dựng. Chủ trì Hội nghị có đại diện Bộ Xây dựng - ông Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường; bà Vũ Thị Kim Thoa - Tư vấn trưởng Chương trình Năng lượng sạch USAID Việt Nam.

Trong những thập kỷ gần đây, Việt Nam trải qua thời kỳ tăng trưởng kinh tế nhanh nhờ công nghiệp hóa và đô thị hóa, một quá trình làm tăng phát thải khí nhà kính. Dự án Năng lượng Sạch Việt Nam - Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong lĩnh vực xây dựng do USAID tài trợ (viết tắt là Dự án) sẽ hỗ trợ Chiến lược Tăng trưởng Xanh của Việt Nam và chương trình hành động kèm theo, phù hợp với khuôn khổ của chính phủ Hoa Kỳ về tăng cường các chiến lược phát triển phát thải thấp hơn. Dự án phối hợp với Bộ Xây dựng nhằm giảm tiêu thụ điện trên cả nước bằng cách cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng trong lĩnh vực xây dựng thông qua triển khai bộ quy chuẩn xây dựng Việt Nam “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả” (VEEBC) và thúc đẩy một chương trình xây dựng công trình xanh.

Dự án có ba mục tiêu: Tăng cường năng lực trong xây dựng dữ liệu về năng lượng; thúc đẩy áp dụng bộ quy chuẩn VEEBC và các công



Phó Vụ trưởng KHCN và Môi trường Nguyễn Công Thịnh phát biểu tại Hội nghị nghệ công trình xanh; nâng cao năng lực triển khai VEEBC và xây dựng Kế hoạch Hành động Tăng trưởng Xanh.

Đối với mục tiêu thứ nhất, Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ Bộ Xây dựng, các Sở Xây dựng và các trung tâm nghiên cứu sử dụng năng lượng hiệu quả trực thuộc Bộ Xây dựng trong công tác thu thập, quản lý, phân tích và sử dụng dữ liệu về năng lượng cho việc ra quyết định, nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về các tòa nhà gồm văn phòng, bệnh viện, khách sạn, trường học, các tòa nhà cho thuê và trung tâm thương mại tại các tỉnh thành nêu trên, đại diện cho các khu vực khí hậu khác nhau. Bộ Xây dựng sẽ dùng cơ sở dữ liệu này để mô phỏng và đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng của các tòa nhà áp dụng các chiến lược, thiết kế, thiết bị và vật liệu tiết kiệm năng lượng khác nhau.

Đối với mục tiêu thứ hai, Dự án xây dựng và phổ biến dữ liệu về các thực hành, công nghệ, thiết bị và vật liệu hiện đại và tiết kiệm năng lượng, giúp đưa vào áp dụng các thực hành quản lý nhu cầu năng lượng và đào tạo cho các cán bộ chính phủ, các chủ tòa nhà, thành viên của các hiệp hội nghề, cán bộ, sinh viên các trường đại học về triển khai và tuân thủ VEEBC cho các tòa nhà cũ và mới. Dự án xác định các sáng kiến thị trường, thúc đẩy quan hệ hợp tác công - tư, phối hợp với các nhà tài trợ khác và hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn cho các tòa nhà xanh và tiết kiệm năng lượng.

Đối với mục tiêu thứ ba, Dự án nâng cao năng lực cho Chính phủ Việt Nam trong triển khai, kiểm tra và giám sát áp dụng VEEBC, Dự án hỗ trợ xây dựng và thúc đẩy Kế hoạch Hành động Tăng trưởng Xanh của Bộ Xây dựng để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong lĩnh vực xây dựng và giúp đẩy mạnh phong cách sống thân thiện với môi trường của người dân.

Phát biểu khai mạc buổi tập huấn, ông Nguyễn Công Thịnh cho biết, Dự án Năng lượng sạch Việt Nam - Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong lĩnh vực xây dựng được triển khai từ năm 2014, nhằm giảm tiêu thụ điện trên cả nước bằng cách cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng trong các công trình xây dựng và thúc đẩy một chương trình xây dựng công trình xanh.

Đến nay, sau 3 năm triển khai, Dự án đã đạt được nhiều kết quả, như: Trình diễn thí điểm các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho các công trình ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh nhằm giảm thiểu mức năng lượng tiêu thụ và lượng phát thải khí nhà kính của công trình; khảo sát 280 tòa nhà để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia đầu tiên về hiệu quả sử dụng năng lượng trong công trình xây dựng, khuyến khích người dân tham gia các hoạt động tiết kiệm năng lượng...

Ông Nguyễn Công Thịnh cho biết, phần



Toàn cảnh Hội nghị

mềm quản lý cơ sở dữ liệu hiệu quả năng lượng công trình xây dựng được thiết lập dựa trên cơ sở phần mềm quản lý năng lượng của Hoa Kỳ, có sự tham gia góp ý của các chuyên gia đầu ngành và ý kiến của các Sở Xây dựng. Trong thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ tiến hành khảo sát thêm những công trình cần thiết nhằm bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu cho Dự án.

Tại buổi tập huấn, ông Nguyễn Văn Toàn - Chuyên gia Dự án giới thiệu chi tiết về hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về hiệu quả năng lượng công trình xây dựng do Bộ Xây dựng hợp tác phát triển. Theo đó, hệ thống phần mềm này được xây dựng với nhiều mục đích và tính năng khác nhau, nhằm cung cấp những thông tin thống kê về tiêu thụ năng lượng trong các tòa nhà, làm cơ sở giúp cơ quan quản lý nhà nước xây dựng thể chế chính sách sát với điều kiện thực tế.

Tham dự Hội nghị, đại diện các Sở Xây dựng đã được cấp tài khoản và hướng dẫn sử dụng phần mềm: Phần nhập liệu, quản lý thông tin công trình xây dựng (tạo tài khoản, phân quyền; nhập liệu; xử lý dữ liệu, thao tác quản lý, truy xuất dữ liệu); phần giao diện cộng đồng (lựa chọn tiêu chí hiển thị; lọc dữ liệu; so sánh các tập dữ liệu; trích xuất báo cáo).

Trần Đình Hà

Hội thảo đào tạo về quản lý dự án xây dựng

Ngày 16/6/2017 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã phối hợp tổ chức Hội thảo đào tạo về quản lý dự án xây dựng trong khuôn khổ Dự án hợp tác kỹ thuật "Tăng cường năng lực về dự toán chi phí, quản lý hợp đồng, chất lượng và an toàn trong các dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam (CCQSP).

Đến dự Hội thảo, về phía Bộ Xây dựng có ông Phạm Khánh Toàn - Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Trưởng ban Điều phối dự án; ông Phạm Văn Khánh - Vụ trưởng Vụ Kinh tế xây dựng; đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị; về phía tổ chức JICA có ông Anzo Hiroshi, ông Masafumi Yamauchi - trưởng đoàn tư vấn của dự án và các chuyên gia của JICA. Tham dự Hội thảo còn có đại diện các đơn vị thuộc hợp phần của dự án, các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng của các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc, các doanh nghiệp tư vấn, xây dựng, các trường đại học, viện nghiên cứu, các Hội, hiệp hội chuyên ngành xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Phạm Khánh Toàn cho biết, sau hơn 2 năm triển khai thực hiện, Dự án hỗ trợ kỹ thuật do JICA tài trợ "Tăng cường năng lực về dự toán chi phí, quản lý hợp đồng, chất lượng và an toàn trong các dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam" đã đạt được những kết quả thiết thực, góp phần quan trọng tăng cường năng lực cho các cán bộ phản biện chính sách của Bộ Xây dựng, cán bộ quản lý xây dựng ở cấp Trung ương và địa phương, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo quản lý hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án đầu tư công. Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn ban hành thời gian vừa qua đã từng bước hài hòa các quy định của Việt Nam với các quy định của quốc tế trên cơ sở điều kiện thực tế của Việt Nam. Trong quá trình triển khai Dự án, đã tổ chức nhiều



Ông Phạm Khánh Toàn phát biểu khai mạc Hội thảo

cuộc hội thảo đào tạo nhằm phổ biến các kết quả đầu ra của Dự án tại 3 miền trên cả nước.

Ông Phạm Khánh Toàn cũng cho biết, Hội thảo này sẽ tập trung giới thiệu hai nội dung chính, đó là Đánh giá năng lực nhà thầu và Quản lý hợp đồng - hai vấn đề mà các cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư và các nhà thầu trong nước và nước ngoài tại Việt Nam đang rất quan tâm.

Thay mặt đoàn chuyên gia tư vấn của dự án, ông Masafumi Yamauchi đã trình bày tham luận giới thiệu khái quát quá trình thực hiện và các kết quả đầu ra của Dự án hỗ trợ kỹ thuật "Tăng cường năng lực về dự toán chi phí, quản lý hợp đồng, chất lượng và an toàn trong các dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam"; đại diện Cục Quản lý hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng) trình bày tham luận về Phương pháp đánh giá năng lực chuyên môn của nhà thầu thi công; ông Narisawa và ông Nishino (chuyên gia của dự án) trình bày tham luận về Đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhà thầu thi công và Cơ chế lựa chọn nhà thầu thi công; Ông Suzuki (chuyên gia của dự án) giới thiệu Tài liệu hướng dẫn quản lý và điều chỉnh hợp đồng thi công; chuyên gia của Viện Kinh tế xây dựng (Bộ Xây dựng) giới thiệu khái quát nội dung của Thông tư 30/2016/TT-BXD và phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng.



Ông Anzo Hiroshi phát biểu tại Hội thảo

Tại Hội thảo, các diễn giả và các đại biểu tham dự cũng tiến hành các cuộc trao đổi, hỏi đáp để làm rõ thêm hai nội dung chính của Hội thảo về Đánh giá năng lực nhà thầu thi công cũng như việc quản lý, điều chỉnh hợp đồng.

Dự án CCQSP do JICA tài trợ và do Bộ Xây dựng cùng các chuyên gia tư vấn của JICA thực hiện nhằm mục đích nâng cao năng lực cán bộ cũng như các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ



Toàn cảnh Hội thảo

Xây dựng và trực tiếp tham gia các dự án xây dựng, giúp cho việc quản lý các dự án xây dựng tại Việt Nam được thực hiện theo các chuẩn mực và quy định quốc tế, từ đó nâng cao chất lượng các dự án và công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách.

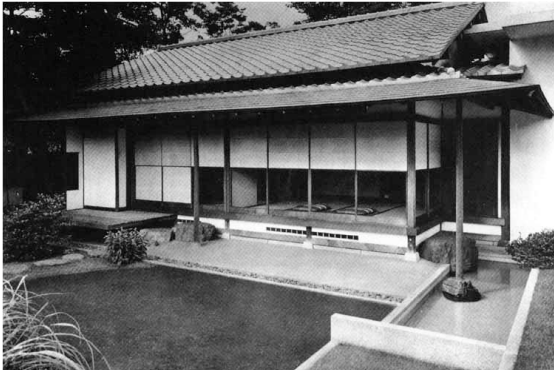
Minh Tuấn

Nghịch lý không gian trong kiến trúc hiện đại của Nhật Bản

Bên cạnh nhận thức về không gian là sự mở rộng đến vô cùng của vật chất song hành cùng với sự vô tận của thời gian, khái niệm không gian kiến trúc, được xác định và khu biệt bởi cấu trúc vật chất, do các triết gia Đức như Jacob Burkhardt, Theodor Lipps khởi xướng vào nửa cuối thế kỷ XIX. Nhà lý luận kiến trúc cổ điển Jeffrey Scott (Anh) trong tác phẩm của mình "Architecture of Humanism" (năm 1914) đã đưa ra định nghĩa: Không gian là nhân tố chính có ảnh hưởng tới nhận thức của con người về giá trị kiến trúc như một giá trị nghệ thuật.

Năm 1910, các công trình nghiên cứu của Lipps được du nhập vào Nhật Bản đã làm nổi lên cuộc tranh luận giữa các giáo sư của Học viện Mỹ thuật Nhật Bản về không gian trong điêu khắc và kiến trúc. Trong giới kiến trúc lúc đó, Keiji Gotoh (1883 - 1919) - kiến trúc sư nổi

tiếng đồng thời là một nhà văn hóa, đã quan tâm đặc biệt đến tính năng không gian giả của ngôi nhà. Gotoh rất am hiểu các kết cấu xây dựng và nỗ lực đưa vào áp dụng những vật liệu mới xuất hiện tại Nhật Bản thời kỳ đó - bê tông cốt thép. Bê tông, loại vật liệu có thể đúc thành hình dạng bất kỳ trong khuôn không dính, đã tạo ra ý tưởng về không gian trái ngược với dạng thức điêu khắc, là hoàn toàn xa lạ đối với kiến trúc truyền thống của Nhật Bản vốn quen thuộc với kết cấu gỗ - các kết cấu bằng đá cũng còn là điều gì đó đặc biệt, nếu như so sánh với kiến trúc Trung Quốc và Hàn Quốc. Có thể là các thiết kế của Gotoh dễ áp dụng cho kết cấu bê tông hơn là so với thiết kế của các kiến trúc sư phương Tây đối với các công trình truyền thống làm bằng đá, cho dù sử dụng vật liệu gạch, đá hay bê tông. Theo quan điểm của



Ngôi nhà Okada – tác phẩm của Sutemi Horiguchi năm 1933



Dinh thự Hoàng gia Katsura tại cố đô Kyoto

Gotoh, "nghệ thuật nội thất" là hiện tượng được sáng tạo bởi trí óc của người nghệ sĩ, còn "nghệ thuật ngoại thất" là một quá trình nghệ thuật tạo ra sự ảnh hưởng đối với người xem, sự nhận thức và tương tác.

Trong các tranh luận về vấn đề thiết kế và xây dựng do Gotoh và cộng sự của ông - KTS. Seitaro Yamazaki khởi xướng năm 1916, Gotoh đưa ra lập luận là các kết cấu cần phải phù hợp với không gian, và có lẽ đây là lần đầu tiên thuật ngữ chiều (của) không gian được sử dụng trong các buổi nói chuyện về kiến trúc. Mặc dù thời bấy giờ, từ "không gian" rất ít khi được dùng trong các cuộc thảo luận kiến trúc, có thể, Gotoh đã nghiên cứu kỹ lý luận của Lipps và liên hệ với những nghiên cứu về mỹ học trong học viện. Gotoh cho rằng, kết cấu vòm đàn hồi rất phù hợp cho thi công bê tông, tương tự là các kết cấu khung trong các ngôi nhà truyền thống và các mái vòm trong kiến trúc Gô-tích. Các mái vòm bê tông toàn khối khi đó là phát minh hoàn toàn mới, có sự khác biệt với các mái vòm được ghép bằng đá. Tuy nhiên, do mất sớm ở tuổi 36, Gotoh đã không thể áp dụng các nghiên cứu lý thuyết của mình vào trong thực tế xây dựng.

Cũng vào năm mất của Gotoh, KTS. Frank Lloyd Wright (một KTS nổi tiếng của Mỹ về thiết kế nội thất) đã đến Nhật Bản để thiết kế khách sạn Imperial ở Tokyo. Đi cùng ông Wright có một trợ lý trẻ tuổi người Secbi tên là Antonin Raymond (1888 - 1976) - người đã rời khỏi công

ty F.L.Wright trước khi dự án xây dựng khách sạn hoàn thành và quyết định ở lại Nhật Bản. Antonin Raymond là người thiết kế và xây dựng ngôi nhà đầu tiên bằng bê tông ở Nhật Bản, là nhà riêng của ông, vào năm 1923.

Raymond bắt đầu sử dụng bê tông làm vật liệu xây dựng dưới ảnh hưởng của KTS. Auguste Perret, người mà ông đã từng cộng tác ở Paris, trước khi sang Mỹ để làm cho công ty F.L.Wright. Trong lịch sử kiến trúc hiện đại Nhật Bản, Raymond là người tiên phong trong nỗ lực du nhập vào Nhật Bản các thiết kế kiến trúc phương Tây. Ông ứng dụng nhuần nhuyễn hệ thống kết cấu Nhật Bản, đặc biệt sử dụng các vách ngăn trượt. Trong nhà truyền thống của Nhật, các vách trượt thường được dùng để phân định ranh giới bên ngoài, từ sàn nhà tới trần nhà. Với số lượng tối thiểu tường ngoài, với vách ngăn có thể mở, Raymond chỉ ứng dụng thêm các cột và dầm ngang. Sự "quá cởi mở" cho thấy công trình của ông hoàn toàn tương phản với phong cách phương Tây (luôn có những bức tường dày khiến không gian bên trong bị hạn chế).

Các khoảng không gian của nhà truyền thống Nhật Bản luôn có thể mở rộng vượt ra ngoài phạm vi những tấm vách "di động", hòa nhập với không gian xung quanh. Trong phần lớn các thiết kế nhà gỗ của Raymond (gồm cả ngôi nhà riêng ông dành ở mùa hè và nổi tiếng bởi rất giống ngôi nhà Le Corbusier chưa kịp



Công viên tưởng niệm Hòa bình tại Hiroshima - thiết kế của Kenzo Tange



Tổ hợp thể thao phục vụ Thế vận hội mùa hè 1964 tại Tokyo - thiết kế của Kenzo Tange

xây - Errazuris tại Chile. Không gian ngôi nhà được mở rộng ra phía bên ngoài; mái vòm lớn bằng các kết cấu gỗ có thể liên tưởng với hình ảnh các nhà thờ nhỏ truyền thống của Đông Âu.

Sự đối lập giữa các khoảng không mở cao rộng tới tận trời xanh và những không gian khép kín phía dưới cho thấy, Raymond vẫn đắm mình trong thủ pháp kiến trúc truyền thống địa phương, dù đã hàng chục năm rời xa quê nhà. Ở đây, bê tông được sử dụng trong các kết cấu bao che lặp lại cấu trúc tường gỗ chịu lực của Đông Âu (nơi gỗ cây lá kim thường được áp dụng không thể bền chắc như các kết cấu thích hợp để chịu lực của Nhật Bản). Sự cùng tồn tại hai hệ kết cấu đối lập sau này tiếp tục là giải pháp cơ bản cho tòa nhà văn phòng chi nhánh công ty Readers Digest của Raymond tại Nhật Bản. Trong tòa nhà này, việc thổi hồn của những không gian mở phong cách Nhật Bản vào công trình hiện đại bằng bê tông với các kết cấu khung vững chắc được thực hiện. Đó là sự giao thoa trực tiếp kiến trúc phương Tây và kiến trúc Nhật Bản.

Việc pha trộn hai phong cách trong các tác phẩm của Raymond không hoàn toàn theo nhận thức: các đường nét Nhật Bản được thực hiện có ý thức, trong khi những dấu hiệu của kiến trúc truyền thống Đông Âu lại được thực hiện một cách vô thức. Chỉ tới các tác phẩm của Sutemi Horiguchi (1895 - 1984) - kiến trúc sư nổi tiếng theo chủ nghĩa hiện đại của Nhật Bản

- cả hai truyền thống mới được vận dụng có chủ định. Sau chuyến đi châu Âu đầu tiên từ năm 1923 tới 1924, Horiguchi đã nhận thức sâu sắc sự khác biệt giữa hai nền văn hóa kiến trúc. Ông nghiên cứu kết hợp phong cách Nhật Bản Sukiya trong các ngôi nhà châu Âu, và cho ra đời tác phẩm đầu tiên "Nhà Shi-in-so" năm 1926. Thực tiễn kiến trúc của Horiguchi đáp ứng được các tiêu chí của kiến trúc hiện đại phương Tây. Ông không chỉ là bậc thầy trong xây dựng theo phong cách Sukiya mà còn rất xuất sắc trong nghệ thuật vườn. Dinh thự Hoàng gia Katsura được các vị vua xây dựng cho các bà hoàng hậu là chủ đề cuốn sách ông xuất bản năm 1952. Công trình là dẫn chứng nổi tiếng nhất cho phong cách Sukiya, là một quần thể từ ba tòa dinh thự khác nhau và hàng chục phòng trà trong khu vườn tuyệt đẹp. Cho dù dinh thự Hoàng gia Katsura mà mọi người vẫn thấy ngày nay được xây dựng từ thế kỷ XVII trong thời gian hơn 50 năm, kiến trúc và khu vườn vẫn là sự kết hợp tuyệt vời trong không gian của cả quần thể. Đó thuần túy là một kiệt tác nghệ thuật, không phải dành cho cuộc sống hàng ngày mà chỉ là nơi tạm trú, thư giãn bằng cách hòa mình vào vẻ đẹp của nghệ thuật và thiên nhiên. Các gian phòng được thiết kế hoàn toàn mở, do đó tầm nhìn ra khu vườn bao quanh được vận dụng rất hiệu quả. Đây cũng là ví dụ thú vị nhất cho các gian phòng không bị đứt quãng, không bị giới hạn bởi các vách ngăn và do đó không gian mở

ra vô hạn, dù trên thực tế là cả kiến trúc sư lẫn người làm vườn đều không có khái niệm về ý nghĩa của không gian. Nghịch lý này được giới thiệu trong một trong những cuốn sách phổ biến nhất về kiến trúc truyền thống và các vườn Nhật Bản "Space in Japanese Architecture" của Mitsuo Inyie.

Horiguchi trong các luận thuyết của mình trước đây đã đưa vào khái niệm bố cục (cần nhớ rằng bố cục biểu thị chuẩn mực thẩm mỹ nền tảng đối với kiến trúc, không phụ thuộc vào thời gian và vị trí. Horiguchi đã phân tích rất nhiều thiết kế của các ngôi nhà - phòng trà lịch sử, và tóm tắt các quy tắc bố cục mang tính thẩm mỹ. Trong các căn phòng diện tích không lớn, chủ nhân thường đón khách tới thưởng trà (trà đạo). Những gian phòng với sự thay đổi không gian tối thiểu, được trang trí bởi những vật dụng tối thiểu: kakejiku (các vật dụng treo), ikebana (cách bài trí những bông hoa), và chaki (đồ uống trà) - các yếu tố được chọn lựa bởi chính các chủ nhân và thể hiện gu thẩm mỹ của họ.

Các khu vực vi không gian này - một thành tố trong thực tế đời sống - rất hài hòa với không gian chung, thậm chí còn tạo sự đối lập với các không gian rộng lớn thường gặp trong kiến trúc phương Tây truyền thống. Bằng cách quy định bố cục trừu tượng như vậy, Horiguchi đã so sánh thành công ngôi nhà theo phong cách Sukiyia với những ngôi nhà phương Tây mà không gợi lại xuất xứ của chúng. Ý tưởng này đã cho phép ông đánh giá nhà truyền thống của Nhật Bản cũng như những ngôi nhà hiện đại. Ông đã khẳng định: Kiến trúc sư cần cố gắng đạt phong cách tồn tại "bên ngoài phong cách". Đó cũng là tôn chỉ của những người theo chủ nghĩa hiện đại.

Horiguchi cũng từng đối mặt với điều "tưởng như không tồn tại" đối với các kiến trúc sư theo chủ nghĩa hiện đại của phương Tây. Vào thập niên 20 - 30 thế kỷ trước, phần lớn người dân Nhật có một cuộc sống đúng theo truyền thống chuẩn mực. Sẽ không phải là vấn đề, nếu thiết

kế những ngôi nhà phương Tây cũng như nhà Nhật Bản đúng như những gì nó cần có. Tuy nhiên, những phức tạp nảy sinh, nếu thiết kế đồng thời theo cả hai phong cách, như trường hợp ngôi nhà Okada (1933) là một ví dụ. Khi việc đến tay Horiguchi, ngôi nhà (chính xác hơn là các ngôi nhà) đã đang trong quá trình xây dựng. Khách hàng là một nhà khoa học giàu có nghiên cứu hội họa Ukiyo - e (tranh mộc bản) muốn xây một ngôi nhà "kép", một phần dành cho người tình từng là geisha, phần còn lại để nghỉ ngơi. Người tình của ông muốn sống trong một ngôi nhà truyền thống, trong khi bản thân ông lại ưa thích cuộc sống hiện đại. Đầu tiên, ông thuê thợ mộc địa phương, song họ không thể thiết kế chiếc ghế bành của phương Tây, nên sau đó nhà khoa học này đã tìm đến Horiguchi. Sau khi hoàn thành thi công, ngôi nhà được Horiguchi gọi là "nhà của giai đoạn chuyển đổi". Ông khẳng định: Trong mỗi thời kỳ chuyển đổi (cũng như Nhật Bản trên con đường tới chủ nghĩa hiện đại), không thể tránh khỏi sự trùng lặp của hai trường phái. Kết quả, Horiguchi đã tạo ra một "phát minh ồm ồm" - hai cánh ngôi nhà hoàn toàn lạ lẫm với nhau. Điều này buộc kiến trúc sư phải sửa riêng từng thiết kế mặt tiền của hai phần ngôi nhà như hai ngôi nhà khác nhau. Tuy nhiên, từ phía vườn, phần Nhật và phần phương Tây của ngôi nhà có thể chung sống mà không có xung đột rõ nét. Horiguchi thiết kế hồ nước nhỏ, có vai trò phân định ranh giới giữa hai khu vườn theo phong cách khác nhau, làm "người trung gian" trong sự chuyển đổi từ không gian này sang không gian khác. Vườn Nhật Bản bao quanh ngôi nhà gỗ Nhật Bản, và vườn phương Tây quanh ngôi nhà bê tông; cả hai khu vườn đều phủ cỏ và được kết hợp tuyệt vời khi hợp nhất không gian bên trong và bên ngoài. Sự kết hợp tài tình như vậy chỉ có ở Horiguchi - bậc thầy của truyền thống Sukiya (trong đó yếu tố vườn thường được nhấn mạnh hơn là các phòng trà). Về cuộc đời sáng tác của Horiguchi đã có một chuyên khảo "Bổ

cục về mặt không gian của nhà và vườn” xuất bản năm 1978.

Sau Thế chiến II, khái niệm không gian trở thành nền tảng trong kiến trúc, song trên thực tế khái niệm này đã được Horiguchi đề cập tới trong các tài liệu từ trước chiến tranh. Kenzo Tange (1913 - 2005) và các sinh viên của mình đã cố gắng tìm hiểu phương pháp luận trong kiến trúc, và làm phong phú thêm khái niệm trên - “không gian xác định”, “không gian không xác định” hay “điển hình hóa không gian”, và một cặp khái niệm khác - “không gian xã hội” và “không gian riêng tư”. Trong các nghiên cứu của Tange, không gian được vận dụng như sự mở rộng linh hoạt (không gian không xác định hay không gian vô hạn), chứ không phải như không gian xác định. Tác phẩm nổi tiếng của ông thời kỳ sau chiến tranh là Công viên tưởng niệm hòa bình tại Hiroshima (1954 - 1955) được xây dựng như một sự kết hợp hoàn hảo các tòa nhà và khu công viên.

Tòa nhà trung tâm và phòng trưng bày có các cổng chào lớn để phân bố lượng khách tới đây rất đông trong lễ tưởng niệm những người đã chết vì bom nguyên tử ngày 6/8 hàng năm. Không gian không xác định của kiến trúc truyền thống Nhật Bản được thiết kế trong cấu trúc bê tông. Tác phẩm đậm dấu ấn kiến trúc ngôi đền cổ Ise trong một công trình hiện đại.

Tại trụ sở công ty Readers Digest, Raymond đã tái lập tính thẩm mỹ của nhà gỗ Nhật Bản với một căn phòng bằng bê tông có không gian không xác định. Tuy nhiên, không gian không bao giờ vượt qua phạm vi một ngôi nhà. Công trình của Tange ngược lại, là một tổ hợp từ ba khối nhà, đài tưởng niệm những người đã mất và công viên rộng bát ngát, có trục chính được thiết kế phù hợp với Mái vòm bom nguyên tử - kết cấu duy nhất được đặt gần ngay chấn tâm. Kiến

trúc sư đã sử dụng hai hệ thống module : một dành cho quy mô người (tòa nhà), và module kia dành cho quy mô thành phố (công viên). Phép so sánh hai khoảng không khá rõ ràng; trục chính vượt ra ngoài ranh giới mái vòm, đại diện cho trục biểu tượng của thành phố. Tình huống khó xử mà thế hệ Horiguchi đã từng gặp phải khi đối lập tính truyền thống và tính hiện đại cuối cùng đã được Tange giải quyết xuất sắc trong tổ hợp này.

Trong những công trình sau thập niên 50 như các tòa nhà thị chính và nhà Chính phủ, Tange đã đạt được sự tích hợp phần nhà gỗ truyền thống trong xây dựng bê tông, khi áp dụng các tường chống động đất trong các kết cấu có khung và không gian bên trong. Ông thực sự rất vui mừng khi hợp nhất thành công tính truyền thống và tính hiện đại, tìm ra mối liên hệ giữa kiến trúc sư và thành phố. Ông bắt đầu ứng dụng rộng rãi thiết kế kết cấu vào các công trình sau năm 1960, trong đó có Nhà thờ Sanit Mari (Tokyo) với 8 bức tường cong hyperbol bao bọc bằng các tấm thép không gỉ sáng bóng, và vũ đài thể thao phục vụ Thế vận hội tại Tokyo năm 1964 với các kết cấu dây văng - cả hai công trình đều được hoàn thành vào năm 1964. Không gian bên trong của hai công trình là điều “không tưởng”. Trong lịch sử kiến trúc Nhật Bản vốn không có khái niệm không gian, và do đó, chưa từng có các khoảng không được thiết kế đặc biệt. Công trình của Tange cuối cùng đã lấp đầy sự thiếu hụt đó, và vẫn không hề lạc hậu dù hơn nửa thế kỷ đã trôi qua.

Hajime Yatsuka

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng & Kiến trúc Nga
số 5/2016*

ND: Lê Minh

Công bố Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn

Ngày 3/6/2017 tại Thành phố Hà Giang, Bộ Xây dựng và UBND tỉnh Hà Giang đã tổ chức Hội nghị công bố Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn và Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang Nguyễn Văn Sơn chủ trì Hội nghị.

Tại Hội nghị, đại diện lãnh đạo Vụ Quy hoạch - kiến trúc Bộ Xây dựng đã công bố Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030.

Theo đó, phạm vi và quy mô lập quy hoạch Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn gồm 4 huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ của tỉnh Hà Giang có quy mô diện tích tự nhiên khoảng 232.606ha, với tính chất là Công viên địa chất toàn cầu, có giá trị về di sản địa chất, đa dạng sinh học, văn hóa các dân tộc bản địa mang ý nghĩa quốc gia và quốc tế.

Về định hướng phát triển không gian, Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn bao gồm 8 vùng: Vùng bảo tồn di sản địa chất; Vùng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Vùng phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên; Vùng bảo vệ cảnh quan, danh lam thắng cảnh; Vùng phát triển đô thị và các khu trung tâm du lịch; Vùng nguyên liệu nông, lâm sản gắn với chế biến công nghệ cao; Vùng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn; Vùng phát triển dược liệu chất lượng cao. Bên cạnh đó, trong quy hoạch còn định hướng phát triển 03 công viên chuyên đề, gồm: công viên địa văn hóa, lịch sử trên địa bàn huyện Đồng Văn; Công viên khoa



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại Hội nghị

học địa chất ở khu vực phía Bắc huyện Mèo Vạc; Công viên địa sinh học bao gồm các khu bảo tồn thiên nhiên Du Già, Bát Đại Sơn, khu vực sinh thái các xã Na Khê, Lao Và Chải và Tùng Vài.

Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn còn bao gồm quy hoạch chung xây dựng 04 đô thị - trung tâm du lịch gồm: Thị trấn Đồng Văn - Trung tâm du lịch văn hóa lịch sử; Thị trấn Mèo Vạc - Trung tâm du lịch khoa học, mạo hiểm và thương mại cửa khẩu; Đô thị Yên Minh - Trung tâm du lịch sinh thái, đô thị xanh; Thị trấn Tam Sơn - Trung tâm du lịch, vui chơi giải trí.

Bên cạnh các định hướng về cải tạo phát triển hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, tổ chức không gian cảnh quan, quy hoạch cũng đề ra chiến lược phát triển cho từng giai đoạn đến năm 2030 và các lĩnh vực ưu tiên đầu tư. Theo đó, giai đoạn I (đến 2020) sẽ bắt đầu các dự án hạ tầng cải thiện đường giao thông tiếp cận đến Cao nguyên đá Đồng Văn; mở rộng cung cấp nước sạch đảm bảo vệ sinh và các hạ tầng thiết yếu khác; thiết lập các chính sách và quy định chủ yếu. Giai đoạn II từ 2020 đến 2025 sẽ mở



Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang Nguyễn Văn Sơn phát biểu tại Hội nghị



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn trao Hồ sơ quy hoạch cho lãnh đạo tỉnh Hà Giang

rộng phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch khoa học và du lịch mạo hiểm. Giai đoạn III từ 2025 đến 2030 sẽ tăng cường tham gia tiếp xúc thị trường và quản lý, phát triển các sản phẩm du lịch phức hợp.

Để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, quy hoạch đề xuất không xem xét các dự án có tác động tiêu cực, ảnh hưởng tới môi trường cảnh quan tự nhiên, đặc biệt đối với khu vực cảnh quan sông Nho Quế và Mã Pì Lèng.

Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang Nguyễn Văn Sơn nhấn mạnh, Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Đảng, Chính phủ đối với tỉnh Hà Giang nói riêng, là một bước cụ thể hóa Nghị quyết số 08 ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với mục tiêu đưa Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn thành một trung tâm bảo tồn, nghiên cứu khoa học và là một điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch trong nước và quốc tế, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang phát triển bền vững gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Để đồ án quy hoạch trở thành hiện thực, là

động lực thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Sơn mong muốn và đề nghị Bộ Xây dựng tiếp tục chủ trì việc tổ chức lập Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hà Giang, trong đó nghiên cứu liên kết, hỗ trợ thúc đẩy vùng Cao nguyên đá Đồng Văn và các khu vực khác của tỉnh Hà Giang nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Các cấp ủy Đảng chính quyền của tỉnh đặc biệt là 4 huyện vùng Cao nguyên đá khẩn trương phổ biến quy hoạch sâu rộng tới các cấp, ngành, nhân dân. Các sở, ngành theo chức năng chủ động phối hợp với UBND 4 huyện khẩn trương rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành. Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Sơn cũng đề nghị Ban Quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn làm tốt công tác quản lý, tham mưu cho tỉnh xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định, chương trình, quy hoạch, kế hoạch và giải pháp bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị Công viên địa chất cũng như chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ cho việc tái đánh giá Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn vào năm 2018.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng trao hồ sơ quy hoạch cho tỉnh Hà Giang, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chúc mừng tỉnh Hà Giang

*Toàn cảnh Hội nghị*

đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn đến năm 2030, đây là một công cụ quản lý nhà nước quan trọng, giúp tỉnh Hà Giang cụ thể hóa các định hướng phát triển du lịch, triển khai các chương trình,

dự án trên địa bàn khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ, nỗ lực của tất cả các bên tham gia dự án này như: Viện Quy hoạch Đô thị và nông thôn quốc gia, đơn vị tư vấn 3Rock của Mỹ, các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh và các đơn vị của tỉnh Hà Giang.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cũng gửi lời chúc mừng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đến tỉnh Hà Giang và mong rằng tỉnh Hà Giang sẽ nhanh chóng triển khai các công việc tiếp theo để đưa Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn khả thi và sớm đi vào cuộc sống.

Minh Tuấn

Bộ Xây dựng triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới

Ngày 6/6/2017, Văn phòng Bộ Xây dựng phối hợp với Trung tâm Thông tin và các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức các hoạt động làm sạch môi trường, cảnh quan khuôn viên Bộ Xây dựng. Đây là một trong những hoạt động của Bộ Xây dựng nhằm hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6/2017 và triển khai “Tháng hành động vì môi trường” theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và môi trường.

Theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và môi trường tại công văn số 1699/BTNMT-TCMT ngày 07/4/2017 về việc tổ chức các hoạt động trong “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 1116/BXD-KHCN gửi các đơn vị trực thuộc Bộ đề nghị tổ chức các hoạt động trong “Tháng hành động vì môi trường” và hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6/2017, yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ báo cáo kết quả trước ngày 30/7/2017.

Theo đó, Bộ Xây dựng yêu cầu các đơn vị



Các khẩu hiệu hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6/2017 và triển khai “Tháng hành động vì môi trường” của Bộ Xây dựng

trực thuộc chủ động rà soát, tăng cường công tác bảo vệ môi trường, cụ thể: Rà soát các dự án đầu tư xây dựng đảm bảo thực hiện nghiêm túc mục tiêu “Không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế”; rà soát công tác bảo vệ môi trường của các đơn vị; thực hiện các nội dung của Quyết định số 1012/QĐ-BXD ngày 27/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban

hành Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.

Bộ Xây dựng yêu cầu các đơn vị tập trung nguồn lực giải quyết triệt để các vấn đề ô nhiễm còn tồn đọng; tổ chức vệ sinh, làm sạch môi trường tại trụ sở, nơi làm việc của đơn vị; tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn; tổ chức treo băng rôn, pano, áp phích, khẩu hiệu về chủ đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở nơi công cộng, đường phố chính, trụ sở cơ quan làm việc, nơi đông người qua lại, nhằm nhắc nhở người dân và cán bộ công nhân viên cùng hành động bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cũng tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về bảo vệ môi trường, đồng thời phát động các cuộc thi tìm hiểu về môi trường, biểu dương và khen thưởng, động viên kịp thời những cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức có nhiều thành tích trong bảo vệ môi trường.

Ông Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (thuộc Bộ Xây dựng) cho biết: Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1012/QĐ-BXD ngày 27/9/2016 ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng. Theo đó, Bộ Xây dựng thành lập các tổ công tác xuống làm việc với các đơn vị sản xuất của Bộ Xây dựng về việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Hiện nay, Bộ Xây dựng cũng đang xây dựng Dự thảo Thông tư quy định về bảo vệ môi trường ngành Xây dựng, trong đó nhấn mạnh những quy định về bảo vệ môi trường ở các công trình thi công xây dựng, xây dựng chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường đối với Sở Xây dựng các địa phương cũng như đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.



Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức vệ sinh, làm sạch môi trường khuôn viên Bộ Xây dựng

Tham gia hoạt động vệ sinh, làm sạch môi trường, cảnh quan khuôn viên Bộ Xây dựng, chị Mai Thu Phương, đoàn viên Chi đoàn Trung tâm Thông tin, Bộ Xây dựng cho biết: Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả mọi người và của toàn xã hội. Do đó, đoàn viên thanh niên của Trung tâm Thông tin rất nhiệt tình tham gia các hoạt động giữ gìn cảnh quan xanh, sạch, đẹp tại nơi làm việc nhằm tạo không gian trong lành, giúp bảo vệ sức khỏe cho chính bản thân và cho các đồng nghiệp công tác tại Cơ quan Bộ Xây dựng.

Trong ngày ra quân hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6/2017 và triển khai “Tháng hành động vì môi trường”, Bộ Xây dựng còn tổ chức rà soát, thay thế hoàn toàn bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn Huỳnh quang và bóng đèn LED để nâng cao hiệu quả tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, cán bộ phòng Quản trị (thuộc Văn phòng Bộ Xây dựng) còn thường xuyên vận động các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Cơ quan Bộ Xây dựng nâng cao ý thức sử dụng hệ thống chiếu sáng, quạt điện, điều hòa nhằm đảm bảo an toàn hệ thống điện Cơ quan Bộ Xây dựng.

Chủ đề Ngày Môi trường thế giới năm 2017 là: “Sống hài hòa với thiên nhiên” nhằm kêu gọi, khuyến khích cộng đồng gắn bó hữu cơ với thiên nhiên, từ đó cảm nhận vẻ đẹp cũng như tầm quan trọng của nó đối với cuộc sống; đồng

thời chia sẻ, tiếp nối lời kêu gọi bảo vệ Trái đất, bảo vệ mối quan hệ hài hòa và bền vững giữa con người và thiên nhiên.

Trong cả nước, "Tháng hành động vì môi trường" năm 2017 sẽ diễn ra các hoạt động: Tổ chức Hội chợ Triển lãm quốc tế về Công nghệ môi trường và Sản phẩm sinh thái năm 2017; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế về Đa dạng sinh học năm 2017; hội thảo "Phụ nữ Việt Nam trong công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường"; tổ chức lớp học môi

trường cho học sinh Trung học cơ sở; chương trình trồng cây xanh hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 2017; hội nghị "Đối thoại Chính sách về Môi trường và Phát triển bền vững" khu vực phía Nam; hội thảo "Nâng cao nhận thức về nguy cơ sức khỏe và môi trường do hoạt động đốt ngoài trời"; phát động Cuộc thi Sáng tác ảnh về Bảo vệ môi trường.

Trần Đình Hà

Xu hướng hiện đại đưa tính nhân văn vào không gian công cộng của đô thị

Cùng với sự hình thành của mô hình quy hoạch đô thị hiện đại, mô hình đô thị đã thay đổi theo hướng phát triển các "đô thị vì con người". Chúng ta đang sống trong một thế giới đô thị hóa không ngừng. Năng lực cạnh tranh của đô thị tăng lên cùng với sự phát triển của hạ tầng xã hội và nâng cao tiện nghi sống, mà hạ tầng xã hội lại phụ thuộc trực tiếp vào tình trạng của không gian công cộng (sau đây viết là KGCC).

KGCC nên được xem là nơi tạo ra sự đổi mới. Kinh nghiệm 20 năm qua cho thấy sự xuất hiện của một KGCC mới có diện tích không đáng kể so với tổng diện tích của cả một đô thị (0,01%), nhưng lại có thể thay đổi hình ảnh của đô thị. Moskva đang trải qua sự bùng nổ xây dựng công viên và cảnh quan.

Đối với công tác nghiên cứu, KGCC là không gian đô thị trong đó mọi loại hình hoạt động đều miễn phí, nơi ai cũng có thể tiếp cận, nơi cư dân thực hiện các hoạt động xã hội. KGCC là không gian nhiều kịch bản được sử dụng để di chuyển có mục đích từ nơi này sang nơi khác, là nơi dạo chơi, làm việc, đàm phán và gặp gỡ, vui chơi giải trí, thể thao, trò chơi trẻ em, giải trí đường phố và các hoạt động đô thị khác. Đây là "địa điểm thứ ba" được cư dân sử dụng cho thời gian ngoài chỗ làm việc và ngôi nhà của họ. KGCC hiện đại là nơi các hoạt

động của cộng đồng đô thị được hình thành và thể hiện. Trong KGCC, người dân thuộc các tầng lớp xã hội, các lứa tuổi, có quốc tịch và sở thích khác nhau nhận thức sự tồn tại của họ và tham gia vào sự giao lưu và tương tác. Trong KGCC, văn hoá đô thị được hình thành và nhân rộng và các đặc trưng quốc gia và tinh thần của đời sống văn hoá đô thị được hình thành và thể hiện. Sự cùng nhau tham gia vào các sự kiện, vui chơi giải trí ở cùng một địa điểm giúp giảm nhẹ mâu thuẫn và xóa ranh giới giữa các nhóm người, tạo điều kiện cho sự giao lưu điều mà không thực hiện được trong hoàn cảnh khác và giảm khả năng nảy sinh xung đột. Cuối cùng là giúp người dân nhận thức được họ là một phần của một cộng đồng đô thị phức tạp thống nhất, cảm thấy họ là công dân của đô thị của họ.

Thái độ ứng xử mới đối với KGCC được xem như yếu tố then chốt làm nên sự phát triển của loại "đô thị vì cuộc sống" ngược lại với loại "đô thị hoạt động" công nghiệp của thế kỷ 20. Từ năm 1930 đến 1970, trên thế giới KGCC hầu như không phát triển, sự chú ý được tập trung chủ yếu vào phát triển giao thông. Tại hầu hết các nước châu Âu, KGCC mới không những không được tạo ra mà những KGCC cũ dần dần bị xuống cấp, một số đã biến thành các nút giao thông hoặc bãi đỗ xe. Lý thuyết về đô thị

tiện nghi cho cuộc sống của người dân được nêu ra lần đầu vào năm 1961 trong cuốn sách "Cái chết và cuộc sống của những đô thị lớn ở Mỹ" của Jane Jacobs, trong đó lần đầu tiên nêu ra các lập luận chống lại sự quy hoạch đô thị theo các ý tưởng trừu tượng và bỏ qua cuộc sống thường nhật của người dân. Từ cuối những năm 1980, KGCC là đối tượng của sự quan tâm ngày càng tăng từ phía các nhà quy hoạch đô thị, các nhà xã hội học và cộng đồng nói chung.

Những ý tưởng của Jacobs được tiếp nối bởi nhà đô thị học Jan Gale trong khái niệm "đô thị vì con người" trở thành chiến lược ưu tiên trong phát triển đô thị phương Tây hiện đại.

Tại Liên Xô từ những năm 1950, sự phát triển KGCC được tập trung vào việc thiết kế các quảng trường và đại lộ rộng lớn, thể hiện quyền lực chính trị và chính quyền. Vào giai đoạn hậu Xô Viết, KGCC bị thu hẹp và phân mảnh, không gian sử dụng hạn chế xuất hiện. Do vậy đô thị bị mất nhiều KGCC trong 20 năm qua. Đầu thế kỷ 21, tình trạng thiếu nghiêm trọng KGCC có chất lượng ở các đô thị Nga bắt đầu được giải quyết thông qua việc phát triển các trung tâm thương mại. Trung tâm thương mại "thay thế trung tâm đô thị và đường phố chính", do khi đến trung tâm thương mại người dân có thể cảm nhận được các dạng hoạt động đặc trưng cho những nơi công cộng.

KGCC cần được xem là vườn ươm các ý tưởng mới và doanh nghiệp, đây là môi trường kinh tế tự nhiên dành cho kinh doanh và các tổ chức phi thương mại. Đường phố được thiết kế phù hợp tạo ra nhiều lợi nhuận hơn cho hoạt động kinh doanh và bảo đảm giá trị cao hơn cho bất động sản. Việc tạo ra các phố đi bộ tác động trực tiếp lên sự tăng trưởng kinh tế của đô thị và tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi.

Dự án Công viên High Line xây dựng trên cầu vượt đường sắt cũ đã tác động mạnh đến sự phát triển của cả khu vực, ngay cả trước khi triển khai giai đoạn đầu của dự án, 30 dự án

phát triển với các quy mô khác nhau được lập ra chính từ nơi này.

Các chỉ tiêu về chất lượng của KGCC theo tác giả V.A. Nefedov là: Sức sống, ý nghĩa, sự tương thích, khả năng tiếp cận, hiệu quả của không gian cảnh quan.

KGCC dành cho người đi bộ cũng cần có "người quản lý" chịu trách nhiệm về tình trạng của khu đất; KGCC cần được phủ cây xanh với mức độ cao và sinh thái. Nghiên cứu về cảnh quan KGCC theo V.A. Nefedov cần dựa trên đánh giá về chất lượng và số lượng của các khu cây xanh, các loại gạch lát đường và đặc tính sử dụng, phân tích mức độ phơi nắng và chiếu sáng tại các thời điểm khác nhau trong ngày. K. Lynch đề xuất nghiên cứu KGCC với sự hỗ trợ của bản đồ trí tuệ như một phương tiện đánh giá tổng hợp về ý nghĩa xã hội của KGCC đối với người dân. Theo K. Lynch ý nghĩa xã hội của KGCC giữ vai trò quan trọng trong cách thể hiện tính biểu trưng của nó. Nó bao gồm giá trị "tinh thần của địa điểm" đối với quá khứ và hiện tại, sự ghi nhớ về các sự kiện và con người và cách ứng xử đối với các di tích văn hoá và kiến trúc được bảo tồn trong đô thị. Sự đánh giá đó góp phần hình thành khái niệm chung về đô thị. Sự phát triển đầy đủ các KGCC tại những địa điểm có ý nghĩa xã hội gợi lên cảm giác tự hào, tôn trọng và lòng yêu nước.

Khi nghiên cứu KGCC, các yếu tố cần được đánh giá gồm có: Chất lượng cảm thụ thị giác về môi trường; sự phù hợp của quy mô môi trường đối với con người; sự thoải mái về tâm lý và sự hài hòa của môi trường; nhận thức tích cực về địa điểm; sự sẵn có của các địa điểm nghỉ ngơi, sự an toàn của người đi bộ, sự hài lòng đối với địa điểm.

Trên giai đoạn thiết kế KGCC có thể được chia thành ba nhóm các biện pháp xét theo mức độ phức tạp là nhóm các biện pháp chiến lược (toàn đô thị), nhóm các biện pháp dự án và nhóm các biện pháp chủ động nhân văn hóa.

Các nguyên tắc chung về nhân văn hoá

mang tính chiến lược gồm có: Hoạt động mang tính hệ thống và nhất quán của các nhà chuyên môn kết hợp với ý kiến của cộng đồng với tư cách là người dùng cuối; sự kết hợp của các dự án mang tính biểu tượng và "dự án cho từng ngày", chú ý đến các khu vực nhỏ, hỗ trợ các sáng kiến "từ dưới lên", dựa vào thiết kế cạnh tranh và quan điểm của cộng đồng những người có liên quan; sự tham gia của người sử dụng, có khả năng ngăn chặn phá hoại; nguyên tắc quy hoạch dài hạn (ba thế hệ tính về tương lai); sử dụng quan hệ đối tác nhà nước - tư nhân. Các ví dụ về sự thành công từ việc áp dụng các nguyên tắc nhân văn hoá mang tính chiến lược tại các đô thị trên thế giới sẽ làm rõ và bổ sung cho các nguyên tắc nêu trên.

KGCC thành phố Copenhagen nhận được từ chủ nghĩa hiện đại một vành đai các nhà công nghiệp để trống, một vài khu vực cây xanh và kết cấu hạ tầng bị hư hỏng. Nhờ chương trình chiến lược nhân văn hoá đô thị, bắt đầu từ những năm 1960, khoảng 80% lưu lượng giao thông ở trung tâm đô thị là người đi bộ và đô thị được gọi với các tên là "Thành phố sống tốt nhất". Quá trình được bắt đầu với sự chỉnh trang phố thương mại đi bộ Stroget dài hơn một cây số. Điểm tiếp theo của chiến lược là sự phát triển giao thông xe đạp. Chiến lược phát triển "Thành phố sống tốt nhất" nêu ra yêu cầu xây dựng đời sống văn hoá tích cực, theo đó một hệ thống các sự kiện và hoạt động dành cho người dân thường xuyên được tổ chức tại các địa điểm ngoài trời.

Trên cấp độ các dự án cá nhân tổ chức KGCC (nhân văn hoá theo dự án hoặc theo điểm), dựa trên phân tích các ví dụ trong nước và nước ngoài, có thể xác định được một số xu thế tương ứng trên quy mô quy hoạch đô thị, hình khối - mặt bằng và "trang trí".

Xu hướng phát triển KGCC như một tế bào của đô thị. Đó là KGCC kiểu dòng chảy, gắn kết môi trường, giảm phân mảnh, xóa rào cản và ranh giới giữa thiên nhiên và nhân tạo; sự cộng

sinh của không gian; chú ý phát triển các KGCC được kết nối với nhau.

Xu hướng sử dụng cây xanh như là một yếu tố bổ sung đa năng dành cho không gian đô thị tự do và để trống theo nguyên tắc "đô thị trong công viên" hoặc "công viên trong đô thị". Không gian xanh trở thành cái lõi của khu vực đô thị hóa (Công viên trung tâm ở Niu-ooc), thông qua việc tạo ra các vườn hoa nhỏ và các công viên nhỏ mô phỏng sự tồn tại của thiên nhiên tại các trung tâm đô thị đang đô thị hóa.

Xu hướng tạo ra các khu vực đi bộ không phương tiện giao thông lưu thông được thực hiện thông qua việc tách riêng làn đường giao thông và làn đường đi bộ theo chiều ngang hoặc chiều dọc.

Xu hướng khai thác khu công nghiệp để trống và các khu vực khác làm KGCC (công viên nước đa tầng ở Thiên Tân Trung Quốc, dự án Olympic Park ở London,...) với mục tiêu chỉnh trang đô thị và nâng cao tiềm năng xã hội và quy hoạch đô thị tại các khu vực trong đô thị.



Công viên nước đa tầng Thiên Tân Trung Quốc

Xu hướng nhân văn hoá không gian xây dựng công trình giao thông (trồng cây xanh tại sân bay cũ Tempelhof ở Berlin, khai thác không gian bên dưới cầu vượt tại Zanstad Hà Lan, Công viên High Line ở Niu-ooc,...).

Xu hướng sử dụng tạm thời các khu đất cho việc phát triển KGCC trong đó KGCC tạm thời thực hiện các chức năng truyền thống nhưng sử dụng ít vốn đầu tư.

Từ năm 2002, hàng năm đường ven sông

Seine tại trung tâm Paris cấm xe ô tô lưu thông trong một tháng, khu vực này được đổ cát và trở thành bãi tắm. Hàng năm sự kiện trên thu hút sự tham gia của khoảng 5 triệu người.

Xu hướng phát triển KGCC trên mặt đất và dưới lòng đất (dự án vườn trên nhà cao tầng kết hợp với công viên trên các sân thượng kiểu bậc thang ở Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, công viên 8 tầng trên mái nhà tại Osaka, Nhật Bản, dự án của Công viên ngầm Low-Line tại Niu-oo).



Công viên 8 tầng trên mái nhà ở thành phố Osaka Nhật Bản

Xu hướng kết nối kiến trúc với cảnh quan (công viên State Riverbank ở Niu-oo, trong đó mái nhà phủ cây xanh diện tích 11 ha kết hợp với hồ bơi, công viên trượt băng, nhà hàng và nhà hát ngoài trời; tổ hợp thương mại Namba Parks ở Osaka, với mái nhà là một ô vuông cây xanh theo dạng bậc thang, có hồ nước, thác nước và núi; Thư viện Quốc gia Paris với sự lồng ghép công viên cảnh quan).

Xu hướng giảm quy mô các biện pháp can thiệp - sự can thiệp theo từng điểm thay vì sự chỉnh trang đồng bộ, tăng cường vai trò của nhà đa chức năng nhỏ (gian trung bày kết hợp với sân khấu ngoài trời tại quảng trường nhà thờ St. Lawrence ở Rotterdam, tổ hợp công trình trung bày-sân khấu ngoài trời-lễ đài tại Quảng trường Thời đại ở Niu-oo).

Xu hướng xác định bản sắc vùng miền, sự kết hợp các mã văn hoá của quá khứ và hiện tại. Xu hướng này thể hiện trong quá trình cải

tạo các ô phố cổ kết hợp đưa vào các ô phố đó các chức năng hiện đại (cải tạo ô phố 130 tại thành phố Irkutsk, cải tạo khu phố cổ bên bờ sông Pregol ở Kaliningrad,...).

Xu hướng sử dụng đa chức năng, sử dụng quanh năm (ví dụ như trượt băng) và phong cảnh tự do của KGCC, tạo ra sức cạnh tranh cho KGCC của các trung tâm thương mại.

Xu hướng dễ tiếp cận và tạo sức thu hút đối với tất cả các nhóm dân cư. Theo Enrique Penalosa, chỉ những KGCC tiện nghi cho những nhóm người dễ bị tổn thương như trẻ em, người cao tuổi và người tàn tật mới được xem là tốt và sự hiện diện của các đối tượng đó trong KGCC nói lên chất lượng của không gian và đô thị nói chung. Sân chơi Van Campenvaart ở Hague, được thiết kế giúp trẻ em khuyết tật có thể vui chơi ngang bằng với trẻ em khỏe mạnh. Các trang thiết bị luyện tập thể thao đường phố tạo ra sức thu hút lớn đối với các lứa tuổi khác nhau.

Mức độ "trang trí" trong các biện pháp nhân văn hóa KGCC là động lực chính tạo nên cảm nhận về đường phố. Xu hướng tổ chức không gian trên cấp độ này là tạo ra môi trường có quy mô phù hợp với con người; trồng cây xanh ở mức độ cao nhất có thể và chỉnh trang đạt mức cao; sự tương tác; sử dụng vật liệu thiên nhiên, lớp phủ mặt hấp dẫn và đa dạng; tương tác của môi trường; dễ định hướng; sự phong phú về màu sắc, họa tiết và kết cấu; chiếu sáng nhiều cấp độ; sử dụng các dạng kiến trúc nhỏ và các đồ vật nghệ thuật hấp dẫn; thiết kế chất lượng cao và chi tiết trên cấp độ thị giác; nêu bật một cách tương phản các phần nhằm bảo đảm tuân thủ các quy luật của thuật kiến trúc; sử dụng các vật liệu có họa tiết được thể hiện tích cực; sử dụng các đặc điểm địa phương và các yếu tố văn hoá quốc gia. Biển báo và cấu trúc trang trí nên chú ý tới các đặc tính kiến trúc và không che lấp mặt tiền của nhà, được trình bày ngắn gọn và có kích thước tối thiểu. Các hệ thống truyền thông trực quan bắt đầu mang đặc tính biểu tượng.

Chuyển sang hệ thống các biện pháp nhân văn hóa KGCC trên cơ sở các sáng kiến tư nhân nhằm thực hiện "quyền đối với đô thị", đó là quyền của người dân đô thị trong việc xây dựng và thay đổi đô thị. Tại Triển lãm kiến trúc lần thứ XIII tổ chức tại Venice, Gian hàng Hoa Kỳ, trong đó có gian trưng bày giới thiệu các hoạt động của nhiều nhà hoạt động đô thị trên khắp thế giới đã trở thành một trong những gian trưng bày rất nổi tiếng.

Các giải pháp sử dụng ít ngân sách do các công ty tư nhân, các kiến trúc sư và đơn giản là những cư dân không thờ ơ với đô thị của họ nhằm cải thiện cuộc sống ở đô thị ngày nay là một xu hướng quan trọng trong thiết kế đô thị, là bước đầu tiên trong việc thực hiện các dự án đô thị lớn. Đô thị hóa 2.0 bao gồm đô thị hóa đám đông, đô thị hóa tự phát, đô thị hóa tự làm, buôn bán, mua sắm, quán rượu pop-up và các cửa hiệu - những hiện tượng sinh ra tại điểm giao cắt giữa nghệ thuật đường phố và hoạt động đô thị. Các sáng kiến đơn lẻ thường nhận được tài trợ và chuyển thành các sự kiện hoặc lễ hội định kỳ (ví dụ như dự án "Thúc đẩy", "Ngày kiến trúc ở Vologda"), các nhà tài trợ là các tổ chức đô thị, hiệp hội và cộng đồng xã hội và một số trở thành một phần của chiến lược tiếp thị của các thương hiệu toàn cầu.

KGCC đang trở thành một phần quan trọng của đô thị. Nền kinh tế, trình độ văn hoá và sự an toàn của cuộc sống trong các siêu đô thị phụ thuộc vào tính nhân văn của KGCC. Với các yếu tố nêu trên góp phần làm hình thành ấn tượng của khách du lịch về đô thị, theo nhiều cách bản sắc của đô thị được hình thành trong cư dân địa phương. Đặc tính đa dụng của KGCC xác định hệ thống các tiêu chí phức tạp về chất lượng, tính khả thi và tính tự hoàn vốn và do đó góp phần hình thành một phương pháp phức tạp cho việc sáng tạo và đổi mới KGCC, trong đó chắc chắn cần xem xét đầy đủ nhu cầu của người dân, đi trước những yêu cầu đó và thích nghi với những thay đổi trong tương lai. Kinh nghiệm thế giới gợi ra cho chúng ta các giải pháp thành công tiềm ẩn trong xu hướng. Việc tính đến đầy đủ các giải pháp đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đưa nền văn hoá của KGCC sang một vùng đất mới, điều mà có thể nhận thấy ở Tatarstan đang phát triển năng động.

Krasnobaev I.V. và Fedorovich A.V.

Nguồn: Bản tin Trường đại học Kiến trúc -

Xây dựng Kazan, Số 4/2016

ND: Huỳnh Phước

Các đặc điểm hình thành và bảo tồn những yếu tố di sản tự nhiên, lịch sử - văn hóa tại các thành phố lịch sử đông nam vùng Thủ đô Moskva (Nga)

Theo Viện sỹ hàn lâm Dmitri Likhachev, không gian văn hóa là đối tượng nghiên cứu và bảo tồn đặc biệt, bao gồm các loại di sản đa dạng: Di sản văn hóa - kiến trúc, di sản văn hóa - cảnh quan, di tích khảo cổ, công trình di sản địa phương... Đối với các kiến trúc sư và nhà quy hoạch, các đối tượng sinh thái và văn hóa quan trọng nhất chính là những công trình liên quan tới quá trình biến đổi môi trường tự nhiên (lĩnh vực rộng lớn của di sản kiến trúc - cảnh

quan và di sản kiến trúc - quy hoạch). Tiến trình đô thị hóa mạnh mẽ hiện nay đã làm méo mó phần nào các quy hoạch có tính lịch sử, phá vỡ các mối liên hệ trực quan và cảm nhận chung về các điểm nổi bật chính của mỗi thành phố.

Các thành phố lớn và nhỏ thuộc Vùng Thủ đô Moskva cũng không là ngoại lệ. Do tụt hậu trong phát triển kinh tế - xã hội và mong muốn thu hút đầu tư, nhiều thành phố thường bỏ qua ý nghĩa lịch sử và sự cần thiết phải bảo tồn các



Tường thành Kremli của Kolomna



Thành phố cổ bên sông Kolomna

di tích lịch sử và văn hóa. Xung quanh các công trình di sản đã và đang mọc lên ngày càng nhiều các trung tâm hành chính và thương mại, các tòa nhà cao tầng, làm lu mờ ý nghĩa các điểm nhấn lịch sử chính của thành phố.

Hiện nay trong phạm vi Vùng Thủ đô Moskva có 22 thành phố được công nhận là đô thị lịch sử cấp vùng. Trong số đó, có 2 thành phố phía đông nam được công nhận là đô thị lịch sử cấp liên bang là thành phố Kolomna và Zaisk - nơi còn lưu lại nhiều công trình di sản văn hóa và bức tường thành Kremli cổ kính từ thế kỷ XV - XVI. Thành phố Zaisk được xếp hạng di tích văn hóa quốc gia theo Quyết định của Ủy ban Quốc gia về công tác xây dựng của Bộ Văn hóa (Ủy ban trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Nga ngày 31/6/1970).

Xét tới sự phát triển mạnh mẽ của khu vực đông nam Vùng Thủ đô, các thành phố trong khu vực này cần được đặc biệt quan tâm trong công tác bảo tồn các di tích lịch sử và văn hóa, cũng như những đặc trưng cảnh quan tự nhiên hình thành đã nhiều thế kỷ.

Sự phân bố dân cư trong Vùng Moskva đã hình thành từ thế kỷ XII, có rất nhiều di tích khảo cổ và ghi chép trong các biên niên sử chứng minh cho điều này. Quá trình phân bố dân cư khu vực đông nam Vùng Moskva trải qua 5 giai đoạn, mỗi giai đoạn đều phản ánh những đặc điểm cơ bản của sự phát triển.

Giai đoạn 1 (thế kỷ XII - XIV): Dân cư bắt

đầu tập trung phân bố dọc theo các con sông Oki, Moskva, Osetr, Pakhri và Istra, xuất hiện thành phố tiền đồn với các nhánh sông là những tuyến giao thương cơ bản. Tại những điểm hợp lưu của các con sông, những điểm tập trung dân cư đầu tiên được hình thành. Các yếu tố cảnh quan tự nhiên (trong đó có hệ thống thủy vực) có ảnh hưởng lớn tới cấu trúc quy hoạch các điểm dân cư tập trung. Các sông Oki và Moskva có ý nghĩa nhất định trong sự phát triển cơ cấu dân cư phía đông nam.

Thế kỷ XII - XIV, Vùng Moskva là nơi diễn ra liên miên các cuộc tranh giành đất giữa các lãnh chúa. Kết quả là tại các điểm tập trung dân cư lần lượt xuất hiện các thành phố cổ - biểu tượng tiền đồn của các khu đất bị tranh giành. Một trong những thành phố đầu tiên, như một pháo đài, một tiền đồn vững chắc là thành phố Kolomna, được xây dựng vào năm 1117. Bên cạnh Kolomna, sự xuất hiện của làng Krasnoe cũng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu phân bố dân cư thời kỳ này. Tới năm 1541, Zaisk được xây dựng.

Ý nghĩa về mặt quốc phòng của các thành phố được thể hiện bởi việc xây dựng một loạt công trình vững chắc, lâu đời nhất trong đó là bức tường thành Kremli bằng đá của Kolomna được xây dựng trong các năm 1525 - 1531. Năm 1528, bên bờ sông Osetr, một bức tường thành Kremli bằng đá khác cũng được xây dựng, quy mô nhỏ hơn Kremli của Kolomna song vẫn có thể đáp ứng



Thành cổ Kremli của Zaraisk

mọi yêu cầu kỹ thuật - quân sự nửa đầu thế kỷ XVI, đó là Kremli của Zaraisk.

Zaraisk cũng thuộc hệ thống các thành phố tiền đồn phòng thủ vững chắc trên sông Osetr và nhánh sông Oki. Đặc điểm địa hình có vai trò quan trọng hàng đầu trong sự hình thành các thành phố. Các bức tường thành Kremli trên các bờ sông rất cao mang ý nghĩa là những điểm nổi bật nhất về mặt không gian - kiến trúc của thành phố.

Giai đoạn đầu trong quá trình phân bố dân cư phía đông nam Vùng Moskva được đặc trưng bởi chức năng phòng thủ. Các lối đầu tiên hình thành sự phân bố dân cư (các thành phố tiền đồn Kolomna và Zaraisk, mạng lưới đường thủy của 5 nhánh sông cùng các công trình phòng thủ như tường thành Kremli của Zaraisk và Kolomna, tu viện Golutvin...) chính là lối vùng nằm giữa Moskva và Riazan ngày nay.

Giai đoạn 2 (thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVIII): Thời kỳ tái định cư và phát triển hệ thống các điểm dân cư. Việc mở rộng địa giới của vùng Moskva, các cuộc xâm lăng của quân Tartar từ phía nam và đông nam, các cuộc tranh chấp đất đai giữa các lãnh chúa thúc đẩy hơn nữa sự hình thành và việc xây dựng các tuyến đường bộ. Bởi vậy, nét đặc trưng của giai đoạn này là sự phát triển hệ thống các điểm quần cư, tái định cư dọc mạng lưới đường bộ. Tại khu vực đông nam Vùng Moskva, trục quy hoạch cơ bản là con đường Astrakhan nối liền Moskva

với Kolomna, Zaraisk và Riazan.

Hệ thống các điểm dân cư tập trung dọc theo bờ sông vẫn tiếp tục duy trì ý nghĩa quan trọng trong phát triển dân cư, bởi đây là trục giao thông rất thuận lợi. Như vậy, các yếu tố quy hoạch chủ yếu của giai đoạn này là các trục giao thông thủy và bộ. Đặc biệt đối với đông nam Vùng Moskva, trục quy hoạch là hai con sông Moskva, Oki và hai con đường đi qua Kolomna, nối liền các trung tâm của các lãnh địa giáp ranh nhau. Đó là các tuyến đường Vladimir - Kashir và Moskva - Riazan (những tuyến đường được đưa vào quy hoạch đầu tiên của Vùng Moskva thế kỷ XVII).

Các thành phố và làng mạc nằm trên các vị trí giao cắt của các tuyến đường bộ với các tuyến đường thủy huyết mạch rất phát triển thời kỳ này do trở thành các trung tâm giao thương và dịch vụ. Từ cuối thế kỷ XIV, lõi chính của khu vực đông nam là Kolomna, cho tới thế kỷ XV trở thành thành phố phồn thịnh nhất sau Moskva. Tới giữa thế kỷ XVII, Kolomna biến thành trung tâm ngành nghề và thương mại lớn, xếp trong số 11 thành phố lớn nhất nước Nga thời bấy giờ.

Trong khi đó, Zaraisk mất dần ý nghĩa phòng thủ chiến lược. Với vị trí địa lý thuận lợi là ngã tư giao thương với Moskva, Kolomna, Riazan, Tula, thành phố Zaraisk nhanh chóng phát triển theo hướng thương mại - trung tâm ngành nghề truyền thống. Chính từ các bức tường thành Kremli của Zaraisk, dọc theo đường bộ tới Moskva thời kỳ này đã hình thành khu vực làng nghề lớn nhất, nổi tiếng cho tới ngày nay - làng Ilinska.

Giai đoạn 3 (thế kỷ XIII) đặc trưng bởi sự hình thành phủ Moskva, kèm theo là những cải cách trong phân bố dân cư tại các trung tâm tỉnh lỵ.

Năm 1765, theo sắc lệnh của Nữ hoàng Ekaterina II, phủ Moskva được thành lập gồm 10 tỉnh, trung tâm là tỉnh Moskva. Cùng với các thành phố khác, Moskva và Kolomna trở thành trung tâm tỉnh lỵ. Năm 1778, theo sắc lệnh của

Nữ hoàng Ekaterina II, Zaraisk trở thành thành phố tỉnh lỵ của phủ Riazan.

Yếu tố quan trọng để xác định sự phát triển tiếp theo của các thành phố lịch sử đông nam phủ Moskva - cũng như của các trung tâm tỉnh lỵ khác - là Quy hoạch tổng thể với các con phố, các quảng trường trung tâm, công trình thương mại và các điểm nhấn cơ bản khác được quy hoạch ô bàn cờ theo lệnh của Ekaterina II. Năm 1784, Kolomna được điều chỉnh quy hoạch (mà sau đó trở thành nền tảng của đô thị lỵ lịch sử này). Giai đoạn này cũng đặc thù bởi một số quy hoạch điều chỉnh khác và sự xuất hiện rất nhiều công trình kiến trúc có giá trị cho tới nay, là những đặc điểm nổi bật trong tổ chức không gian đô thị. Năm 1778 cũng theo lệnh Ekaterina II, Quy hoạch tổng thể của Zaraisk đã được biên soạn, có tính tới vai trò của các yếu tố tự nhiên của cảnh quan đô thị trong sự phát triển cấu trúc về mặt quy hoạch của thành phố. Đặc điểm bố cục trong quy hoạch Zaraisk là một chuỗi dài dọc theo sông Osetr. Chiều dài thành phố vượt chiều ngang tới 2,5 - 3 lần.

Giai đoạn 4 (cuối thế kỷ XVIII - thế kỷ XIX): Đặc trưng bởi nền công nghiệp và việc xây dựng đường sắt phát triển mạnh mẽ.

Những năm đầu trong nửa cuối thế kỷ XIX, tuyến đường sắt đầu tiên được khởi công xây dựng, Moskva trở thành đầu mối công thương và giao thông đường sắt chính của cả nước. Việc xây dựng các trục giao thông mới (đường bộ mới đến Riazan, đường sắt Moskva - Kolomna và Kolomna - Riazan) là nền móng cơ bản trong việc cải tạo không gian khu vực đông nam giai đoạn này. Cầu đường bộ kết hợp đường sắt đầu tiên của Nga được xây dựng qua sông Oki cho phép kết nối giao thông đường sắt với Riazan. Bước tiến lớn trong phát triển công nghiệp là sự sát nhập Kolomna và Moskva năm 1862, với kết quả là các nhà máy chế tạo máy và nhà máy toa xe lửa Kolomka ra đời. Tới cuối thế kỷ XIX, công nghiệp chế tạo máy của Nga được thúc đẩy phát triển hơn bởi sự ra đời của một loạt trung tâm

công nghiệp mới tại phủ Moskva.

Như vậy, phía đông nam Vùng Moskva thời kỳ này đã hình thành các đầu mối công nghiệp, và ở mức độ nhất định đã xác định xu hướng chức năng của cả khu vực.

Giai đoạn mới nhất trong quá trình phân bố dân cư là thế kỷ XX. Đầu thế kỷ XX, trên cơ sở phủ Moskva, Vùng Moskva được hình thành bao gồm lãnh thổ một số khu vực thuộc phủ Riazan và các phủ khác. Sự lớn mạnh của các thành phố, các điểm dân cư tập trung gần Moskva, việc mở rộng mối liên hệ giữa các khu vực này, sự xuất hiện các khu làng - khu nghỉ lớn ở các vùng ngoại ô góp phần thúc đẩy quá trình hình thành Vùng thành phố Moskva.

Các thành phố Kolomna, Zaraisk, Bronitsa tiếp tục duy trì ý nghĩa của mình; các khu công nghiệp như Liubertsy, Kotelniki, Ramenskoe, Voskresensk, Lukhovitsy trở thành thành phố.

Ngoài việc hình thành trực tự nhiên của sông Moskva và Oki (dọc theo đó là các tổ hợp cảnh quan lịch sử với điểm nhấn là các nhà thờ, tu viện), sự hình thành Vùng thành phố và việc mở rộng các vùng đất đô thị hóa xung quanh Moskva đã đưa tới những hệ quả tiêu cực đầu tiên - gia tăng dân số nhanh tại trung tâm; xu hướng tăng thêm thành phố và điểm dân cư tập trung, đồng thời thu hẹp các khu vực tự nhiên.

Hiện nay, khung văn hóa - lịch sử phía đông nam Moskva là khu vực tập trung các công trình di tích văn hóa, đặc biệt tập trung nhiều gần Kolomna và Zaraisk, làm tăng giá trị lịch sử của khu vực này. Tại Kolomna còn hơn 100 di tích kiến trúc - quy hoạch, lịch sử, văn hóa, trong đó có tường thành Kremli của Kolomna, tu viện Golutvin, nhà thờ Ilinsk, trang trại - nhà nghỉ Shervinsk... Tại Zaraisk có Kremli của Zaraisk, nhà thờ Nikol, nhà thờ Joan - Predchetrensk... Rất nhiều công trình di tích tại hai thành phố đang chịu các tác động nghiêm trọng từ các công trình xây dựng hiện đại - nhà ở, cơ quan hành chính, công trình công cộng, đường sá... những công trình được xây mà ít khi tính đến sự

kết hợp hài hòa trong không gian lịch sử. Nhiều tổ hợp cảnh quan - trang trại đang bị xâm phạm nghiêm trọng về không gian lịch sử - tự nhiên, về quan hệ bố cục và vai trò điểm nhấn. Trong khi đó, vai trò văn hóa - lịch sử của cảnh quan lịch sử đã được nhấn mạnh từ năm 1977 tại Kyoto (Nhật Bản) trong hội nghị của Liên đoàn kiến trúc sư cảnh quan quốc tế. Tại hội nghị này, các yếu tố tự nhiên của cảnh quan cũng được đặc biệt nhấn mạnh. Giá trị của cảnh quan lịch sử chính là ở chỗ cảnh quan đó là minh chứng về mặt vật chất cho quá khứ. Ngày nay, các công trình di tích văn hóa cần được giám sát đặc biệt, bảo tồn và khôi phục, bởi chính các công trình đó là hiện thân cho cốt cách lịch sử của cấu trúc không gian. Theo viện sỹ D.Likhachev, chính các di tích kiến trúc là những yếu tố trong thành phố hiện đại “có thể đi vào cơ cấu các thành phố tương lai”.

Không chỉ phía đông nam mà khắp vùng Thủ đô Moskva, sự ổn định các yếu tố di sản văn hóa - lịch sử là điều kiện tiên quyết để hình thành phát triển sự phân bố dân cư một cách bền vững.

Qua những phân tích ở trên có thể thấy, để bảo tồn các yếu tố di sản tự nhiên và văn hóa - lịch sử khu vực đông nam Vùng Thủ đô hiện nay, các giải pháp hàng đầu được đề xuất là:

- Gìn giữ và củng cố ý nghĩa điểm nhấn văn

hóa - lịch sử của thành phố Kolomna, các đặc điểm trong cấu trúc quy hoạch, và đưa vào hệ thống các trung tâm du lịch;

- Phát triển hệ thống phân bố dân cư trên cơ sở bảo tồn hình ảnh một trung tâm giao thương vùng, kết hợp với cấu trúc lịch sử sẵn có và bố cục quy hoạch về mặt hình khối - không gian của vùng lõi Zarsk;

- Nghiên cứu giảm bớt các luồng giao thông, giảm tải trọng lên các tuyến giao thông hiện hữu đi qua các điểm dân cư, nhất là qua các trung tâm lịch sử của các thành phố;

- Nâng cao tiềm năng kinh tế của khu vực thông qua việc hình thành xu hướng chức năng chủ đạo của cả hệ thống, gắn liền với các hoạt động du lịch - nghỉ dưỡng;

- Hình thành cấu trúc toàn vẹn của khung sinh thái - tự nhiên trên cơ sở trục cảnh quan tự nhiên - lịch sử của các sông Moskva và Oki;

- Đưa các khu vực có giá trị về mặt cảnh quan tự nhiên, các khu vực bảo vệ di tích kiến trúc và văn hóa vào hệ thống khung sinh thái và văn hóa - lịch sử.

Natalia Blagovidova

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng & Kiến trúc Nga
số 4/2016*

ND: Lê Minh

Trung Quốc thực hiện chiến lược thiết kế xây dựng sinh thái thấp cacbon

1. Nội dung và quan niệm xây dựng sinh thái thấp cacbon

Xây dựng sinh thái thấp cacbon là phương thức xây dựng đảm bảo hài hòa và cùng phát triển với môi trường sinh thái xung quanh, giảm hiệu ứng nhà kính ở mức thấp nhất. Căn cứ vào tiêu chí hiệu ứng nhà kính và mức độ hài hòa với môi trường xung quanh để đánh giá và so sánh, mục tiêu chính là tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí CO₂ ở mức tối đa.

Những năm gần đây, tại Trung Quốc, mức tiêu thụ năng lượng trong các công trình xây dựng luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng mức tiêu thụ năng lượng hàng năm, do đó, định hướng phát triển xây dựng sinh thái thấp cacbon là phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu đang làm trái đất đang nóng dần lên hiện nay, nhanh chóng thay đổi mức tiêu thụ năng lượng trong xây dựng, đồng thời thúc đẩy, duy trì và phát triển các loại hình xây dựng giảm phát thải CO₂.

Phương hướng xây dựng sinh thái giảm phát thải CO₂ bao gồm 4 nội dung sau:

- Tiết kiệm năng lượng trong suốt vòng đời của công trình, vật kiến trúc. Xem xét, áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng toàn diện từ khâu quy hoạch, thiết kế, thi công, sử dụng công trình xây dựng hài hoà với thiên nhiên, không làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh, đồng thời kết hợp với điều kiện khí hậu, môi trường tự nhiên tại khu vực để mang lại môi trường phù hợp nhất cho người dân sinh sống tại đó.

- Nguyên tắc để thực hiện tiết kiệm và mang lại hiệu quả cao, chủ yếu là dựa vào nguồn tài nguyên đất, vật liệu và năng lượng, thống nhất trong việc đạt hiệu quả kinh tế, xã hội và hiệu quả môi trường.

- Giảm sử dụng đối với than, đá, dầu... tránh gây ô nhiễm, tăng cường sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng sinh học và các nguồn năng lượng xanh khác.

- Tuần hoàn và tái sử dụng năng lượng, tận thu phế thải, giảm lượng khí thải.

2. Chiến lược thiết kế xây dựng sinh thái thấp cacbon

Hạn chế đào bới, san lấp và vận chuyển đất

Do những khó khăn trong vận chuyển và san lấp đất đô thị, tại những khu vực thuận lợi nhất cho việc vận chuyển thì lại không có đất trống, nên những khu vực đất trống dễ tạo thành phụ tải cho môi trường, đồng thời còn làm tiêu hao lượng lớn nguồn năng lượng dùng cho giao thông vận tải và xử lý những khu vực ấy, làm cho lượng phát thải khí CO₂ không ngừng gia tăng. Do đó, trước khi thiết kế xây dựng cần xem xét kỹ lưỡng địa hình và các dự án công trình ngầm, từ đó có phương hướng đào bới và san lấp phù hợp. Nên lựa chọn thiết kế thay đổi địa hình đã được thông qua, thực hiện phương pháp tạo cảnh quan tại những khu vực bị đào bới hoặc chôn lấp, với mục đích là làm cân bằng chúng.

Xem xét các yếu tố để thực hiện thiết kế xây

dựng một cách hợp lý

Tận dụng vào điều kiện môi trường tự nhiên, thiết kế xây dựng hợp lý, làm sao để các công trình kiến trúc có thể nhận được nhiều ánh sáng và có không gian thông thoáng nhất. Phân tích và bố trí tổng thể mặt bằng xây dựng, từ mặt đứng, mặt phẳng, cho đến mặt cắt, đảm bảo công trình kiến trúc nhận được nhiều ánh sáng mặt trời và thông gió tự nhiên, giảm mức tiêu thụ năng lượng trong công trình. Vào mùa đông, có thể tận dụng ánh sáng mặt trời ở mức tối đa, hấp thụ nhiều nhiệt lượng, tránh hướng gió chủ đạo, hạn chế để bề mặt vật kiến trúc bị mất nhiệt; Vào mùa hạ, phải giảm nhiệt lượng ở mức tối đa, đồng thời tận dụng gió tự nhiên để hạ nhiệt, làm sao mang lại hiệu quả tiết kiệm năng lượng ở mức cao nhất. Do đó, khi thiết kế tiết kiệm năng lượng trong xây dựng phải xem xét đến các yếu tố như: chiếu sáng, hướng gió chủ đạo, thoáng gió tự nhiên vào mùa hạ...

Thiết kế cảnh quan

Nhờ có cây xanh quang hợp mà hàm lượng khí O₂ và CO₂ trong không khí mới được ổn định. Do đó, đối với các công trình xây dựng, cần nâng cao tỷ lệ cây xanh để tăng hiệu quả giảm phát thải. Khi thiết kế cảnh quan thực vật, ngoài việc cây xanh có thể hấp thụ CO₂ và trực tiếp giảm phát thải, còn có tác dụng diệt nấm, cản bụi, cản gió, giảm ồn, che nắng, bảo vệ nguồn nước, thanh lọc nước... Khi chọn trồng các loại cây, cần xem xét phương thức kết hợp giữa các loại cây xanh quanh năm, loại cây rụng lá theo mùa.

Phát triển hệ thống cây xanh trên mái nhà và trên tường

Đối với khí CO₂, cây xanh sinh thái có thể mang lại hiệu quả nhất định, đồng thời còn có khả năng cách nhiệt và che nắng làm mát mái nhà và bề mặt tường. Sinh thái trên mái nhà vừa có tác dụng cách nhiệt, phản xạ, chống bay hơi nước, cách nhiệt cho phòng ở, làm mát phòng, còn là nơi tích tụ nước mưa và cung cấp nước cho cây xanh. Cây leo trên tường có hiệu

quả giảm nhiệt độ bề mặt tường xuống từ 10 - 14°C, nhiệt độ trong phòng giảm xuống từ 8 - 12,5°C, từ đó có thể giảm tải điều hòa không khí, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải.

Nâng cao tuổi thọ công trình xây dựng

Tuổi thọ của công trình xây dựng dài hay ngắn và lượng phát thải khí CO₂ có mối quan hệ trực tiếp với nhau, tuổi thọ của công trình càng ngắn, thì lượng phát thải bình quân khí CO₂

càng lớn. Nên phải thiết kế công trình có tuổi thọ ít nhất từ 50 - 70 năm hoặc là 100 năm, như vậy mới có thể tiết kiệm lượng lớn nguồn tài nguyên, giảm ô nhiễm và giảm phát thải khí CO₂.

Chu Triều Huy

Nguồn: <http://jjsb.cet.com.cn> (Trang Thời báo kinh tế Trung Quốc ngày 6/3/2017)

ND: Bích Ngọc

Tỉnh Tứ Xuyên xây dựng mô hình nông thôn mới hạnh phúc

Theo mục tiêu đến năm 2020, tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc) sẽ trở thành một tỉnh có thể đáp ứng nhu cầu của người dân là được sống trong những ngôi nhà tốt, đời sống sinh hoạt được nâng cao, nuôi dưỡng thói quen tốt, hình thành một bầu không khí trong lành.

Hiện nay, ở tỉnh Tứ Xuyên, đã có hơn 60% số xã thực hiện xây dựng nông thôn mới đạt 4 tiêu chuẩn cấp tỉnh; các xã nông thôn trên toàn tỉnh về cơ bản đang thực hiện mục tiêu xây dựng phát triển nghề nghiệp, gia đình sung túc, con người hài hòa và nông thôn tươi đẹp; quy mô nhỏ, hình thức tổ nhóm, ruộng vườn nhỏ, sinh thái hóa... là mô hình xây dựng nông thôn mới của Tứ Xuyên. Quy hoạch tổng thể xây dựng nông thôn mới hạnh phúc của tỉnh Tứ Xuyên giai đoạn 2017 - 2020 đã đưa ra những mục tiêu rõ ràng và các biện pháp thực hiện, đường lối phát triển, bố cục khu vực và nhiệm vụ trọng điểm của xây dựng nông thôn mới.

Với phương châm lấy thoát nghèo làm trọng điểm, thăm dò cải cách nông thôn làm hành động, xử lý dựa theo pháp luật và xây dựng tổ chức cơ sở đảng làm đảm bảo, toàn tỉnh Tứ Xuyên triển khai các hành động lớn là: Xóa đói giảm nghèo, cải tạo nông thôn, xử lý môi trường và văn hóa truyền thống; triển khai một cách toàn diện công tác xây dựng theo mục tiêu nơi ở tốt, đời sống sinh hoạt tốt, cuộc sống hàng ngày tốt và môi trường không khí tốt; tìm ra biện

pháp thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ công cộng đồng bộ và đổi mới quản lý xã hội.

Quy hoạch tổng thể xây dựng nông thôn mới hạnh phúc của tỉnh Tứ Xuyên lấy xây dựng nông thôn mới tươi đẹp hạnh phúc tích hợp vào tiến trình đô thị hóa kiểu mới. Quy hoạch được thực hiện nhất thể theo quy trình trên toàn khu vực, chọn ra biện pháp có hiệu quả trong việc sử dụng đất có hiệu quả thấp và khu vực nhân rỗi ở nông thôn, xúc tiến thực hiện kiểm soát mức độ tập trung dân cư vừa phải thích hợp, thực hiện sử dụng đất đai tiết kiệm và tối ưu hóa bố cục, nâng cao hiệu suất sử dụng đất. Xuất phát từ thực tế ở các khu vực đồng bằng, đồi, núi và khu vực dân tộc, xuất phát từ sự thuận tiện trong đời sống sinh hoạt sản xuất của người dân, thể hiện đặc điểm khu vực và đặc sắc dân tộc. Đồng thời, chú trọng chỉ đạo theo các cấp, trên cơ sở thúc đẩy toàn khu vực, xây dựng một nhóm khu vực nông thôn đặc sắc và đặc biệt.

Quy hoạch nhấn mạnh, kết hợp giữa cải tạo nông thôn với đô thị hóa kiểu mới, xóa đói giảm nghèo, quy hoạch khoa học, tiếp tục duy trì theo hình thái tự nhiên giữa thôn xóm làng mạc với ruộng vườn sơn thủy, nỗ lực cải thiện điều kiện sinh hoạt sản xuất ở nông thôn. Lấy công tác tối ưu hóa bố cục, tăng cường hóa chất lượng, thăm dò đồng bộ, vệ sinh sạch sẽ, xanh hóa thôn trang và môi trường tươi đẹp làm tiêu

chuẩn, nỗ lực hoàn thiện chức năng cư trú cho người dân và môi trường cư trú cùng cơ sở hạ tầng. Tôn trọng bố cục thôn xóm làng mạc vốn có, dựa vào yêu cầu “thận trọng khi cắt tỉa cây, cấm đào núi, đắp hồ, giảm phá hủy”, bảo vệ rừng và đồng cỏ một cách nghiêm túc, giữ gìn không khí trong lành môi trường ở nông thôn. Tìm cách thống nhất sử dụng đất đai nhân rồi và cơ sở hạ tầng nhà ở hiện có, tối ưu hóa bố cục cơ sở và nơi cư trú của người dân.

Trong quá trình thực thi, tìm cách thống nhất nhịp nhàng sắp xếp nhiệm vụ cải tạo nhà ở xuống cấp ở nông thôn bao gồm nhiều loại khác nhau và khu vực khác nhau. Trọng điểm nắm bắt chất lượng công trình cải tạo nhà ở xuống cấp ở nông thôn, thống nhất tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiêm túc chấp hành quy phạm kỹ thuật, tăng cường quản lý giám sát. Dựa vào nguyên tắc thích hợp xây dựng thì xây dựng, thích hợp cải tạo thì cải tạo, nên bảo đảm thì bảo đảm, chú trọng kết hợp hữu cơ giữa bảo hộ, cải tạo và xây dựng mới.

Thiết lập hồ sơ thôn xóm làng mạc truyền thống, biên chế quy hoạch phát triển bảo vệ thôn xóm làng mạc truyền thống, hoạch định vùng miền khu vực kiểm soát xây dựng và phạm vi bảo hộ trọng tâm của thôn xóm làng

mạc truyền thống, thiết thực bảo đảm hình thái di sản văn hóa truyền thống và không gian thôn xóm làng mạc truyền thống có giá trị, duy trì và bảo tồn tính hoàn chỉnh và tính chân thực của thôn xóm làng mạc truyền thống. Thực hiện quy hoạch dựa theo nguyên tắc tôn trọng ý nguyện của người dân, làm cho đời sống sinh hoạt sản xuất của người dân được thuận tiện nhất, kiểm soát một cách hợp lý quy mô xây dựng.

Tôn trọng tự nhiên, thuận theo tự nhiên, cố gắng sử dụng đất đai dựa theo tự nhiên, xử lý mối quan hệ giữa con người với núi non sông nước, rừng đồi một cách chính xác, bảo vệ nghiêm ngặt đối với hệ thống tài nguyên sinh thái rừng núi, nguồn nước, kênh mương, đồn điền..., bảo tồn văn hóa nông nghiệp, bảo lưu bản chất của sinh thái, thể hiện đặc điểm nông thôn và hương vị của nông thôn như cảnh quan rừng núi, mặt nước..., làm cho môi trường nông thôn mới luôn xinh đẹp hạnh phúc hài hòa trong cảnh quan núi rừng thiên nhiên vốn có.

Vương Ngọc Hoa

Theo báo điện tử Xây dựng Trung Quốc

<http://www.chinanews.com/>

ND: Khánh Ly

HỘI THẢO ĐÀO TẠO VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2017



Ông Phạm Khánh Toàn phát biểu khai mạc Hội thảo



Ông Anzo Hiroshi phát biểu tại Hội thảo